



HUYỆN KHOÁI CHÂU

277 BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG





Mẹ NGUYỄN THỊ GIÁP



Năm sinh: 1919; năm từ trần: 1957
Quê quán: Thị trấn Khoái Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Khoái Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Duy Thích: Sinh năm 1937; Hy sinh năm 1954; Bằng Tổ quốc ghi công số XD040^k ngày 02-11-1959.

Mẹ LÊ THỊ VIỆN



Năm sinh: 1916; năm từ trần: 2004
Quê quán: Xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Khoái Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Quang Văn: Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 6-1965; đơn vị tại ngũ D965; Hy sinh ngày 16-5-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số AU833^b ngày 08-10-1971.

Mẹ VŨ THỊ DỆ



Năm sinh: 1922; năm từ trần: 1952
Quê quán: Thị trấn Khoái Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Khoái Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Trọng Lộ: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 7-1967; Hy sinh ngày 22-6-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GL 502^B



Mẹ NGUYỄN THỊ CÁNH



Năm sinh: 1923; năm từ trần: 1966
Quê quán: Hà Đông
Trú quán: Thị trấn Khoái Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Vượng: Sinh năm 1949; Hy sinh ngày 10-5-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HV200^b ngày 03-11-1973.

Mẹ NGUYỄN THỊ MY



Năm sinh: 1918; năm từ trần: 1989
Quê quán: Thị trấn Khoái Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Khoái Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đỗ Mạnh Hùng: Sinh năm 1945; nhập ngũ ngày 30-9-1966; Hy sinh ngày 10-3-1968, tại đường mòn Hồ Chí Minh; Bằng Tổ quốc ghi công số VH-512^b ngày 05-4-1977.
2. Liệt sĩ Đỗ Việt Hà: Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 5-1966; Hy sinh ngày 12-12-1969; Bằng Tổ quốc ghi công số VH 221^B.

Mẹ TRẦN THỊ TỨ



Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1995
Quê quán: Thị trấn Khoái Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Khoái Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Duyên: Sinh năm 1927; nhập ngũ năm 1946; đơn vị tại ngũ E66; Hy sinh năm 1950, tại Điện Biên Phủ; Bằng Tổ quốc ghi công số NC-124^b ngày 02-01-1976.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Kỷ: Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 6 -1966; Hy sinh ngày 16-10-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VP873^K ngày 13-4-1977.

BÀ MẸ VIỆT NAM AN HÙNG XÃ AN VĨ



Mẹ NGUYỄN THỊ BÌNH



Năm sinh: 1906; năm từ trần: *
Quê quán: Xã An Vĩ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã An Vĩ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng ngày 01-12-1994.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương độc lập hạng Ba.
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Xuân Nguyên: Sinh năm 1942; nhập ngũ tháng 02-1961; đơn vị tại ngũ E11-Bt34-Đoàn 559: Hy sinh ngày 04-7-1969, tại Nam Lào; Bằng Tổ quốc ghi công số BK148^b ngày 27-01-1972.

Mẹ NGUYỄN THỊ VÕ



Năm sinh: 1927; năm từ trần: *
Quê quán: Xã An Vĩ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã An Vĩ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng ngày 01-12-1994.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương độc lập hạng Ba.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Xuân Thường: Sinh năm 1942; nhập ngũ tháng 01-1964; đơn vị tại ngũ KH: Hy sinh ngày 21-8-1969; Bằng Tổ quốc ghi công số AU914^b ngày 08-10-1971.

Mẹ NGUYỄN THỊ NHƯ



Năm sinh: 1904; năm từ trần: *
Quê quán: Xã An Vĩ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã An Vĩ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng ngày 01-12-1994.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương độc lập hạng Ba.

* Chưa xác minh được thông tin



Mẹ NGUYỄN THỊ HIỆP



Năm sinh: 1900; năm từ trần: *
Quê quán: Xã An Vĩ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã An Vĩ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng ngày 01-12-1994.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương độc lập hạng Ba.
Con độc nhất là liệt sĩ Trần Văn Nho: Sinh năm 1930; nhập ngũ tháng 7-1948; hy sinh tháng 7-1949, tại Yên Mỹ, Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XG017^k ngày 02-11-1959.

Mẹ LÊ THỊ THẢO



Năm sinh: 1901; năm từ trần: *
Quê quán: Xã An Vĩ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã An Vĩ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng ngày 08-12-2008.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương độc lập hạng Ba.
Có 3 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Trần Công Định: Sinh năm 1920; Hy sinh ngày 22-3-1950; Bằng Tổ quốc ghi công số GK834^{cp}.
2. Liệt sĩ Trần Công Hân: Sinh năm 1925; Hy sinh ngày 22-3-1950; Bằng Tổ quốc ghi công số GK826^{kp}.
3. Liệt sĩ Trần Công Đức: Sinh năm 1927; Hy sinh ngày 22-3-1950; Bằng Tổ quốc ghi công số GK835^{cp}

Mẹ PHẠM THỊ SÁNG



Năm sinh: 1885; năm từ trần: *
Quê quán: Xã An Vĩ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã An Vĩ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223-QĐ/CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Trần Hữu Đản: Sinh năm 1907; Hy sinh ngày 08-02-1950; Bằng Tổ quốc ghi công số GI185^{kp} ngày 18-11-2003.
2. Liệt sĩ Trần Hữu Tuyên: Sinh năm 1923; nhập ngũ ngày 02-3-1946; đơn vị tại ngũ C22; Hy sinh ngày 19-5-1953 tại Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số KC 904^{bp}/CL ngày 04-6-1973.



Mẹ HOÀNG THỊ DIỆN



Năm sinh: 1924; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Hoàng Văn Điển: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 02-1968; Hy sinh ngày 18-6-1969; Bằng Tổ quốc ghi công số LO 196^b ngày 14-5-1974.

Mẹ NGUYỄN THỊ THÊM



Năm sinh: 1921; năm từ trần: 1988
Quê quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Hoàng Hồng Hải: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 7-1967; Hy sinh ngày 15-3-1969; Bằng Tổ quốc ghi công số GN 291^b ngày 25-7-1973.

Mẹ NGUYỄN THỊ KHUYẾN



Năm sinh: 1907; năm từ trần:*
Quê quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Văn Minh: Sinh năm 1941; nhập ngũ tháng 12-1967; Hy sinh ngày 25-9-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số VB667^b ngày 01-4-1977.

* Chưa xác minh được thông tin



Mẹ LÊ THỊ GÁI



Năm sinh: 1905; năm từ trần: 1969
Quê quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Văn Coi: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 4-1968; Hy sinh ngày 24-5-1970; Bằng Tổ quốc ghi công số BK 049^b ngày 06-01-1972.

Mẹ NGUYỄN THỊ DẬU



Năm sinh: 1992; năm từ trần: 1969
Quê quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 12-1994.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đỗ Mạnh Tường: Nhập ngũ tháng 10-1947; Hy sinh ngày 19-8-1949; Bằng Tổ quốc ghi công số XU181^b ngày 02-01-1960.
2. Liệt sĩ Đỗ Thành Tuế: Nhập ngũ ngày 20-4-1946; Hy sinh ngày 18-6-1947; Bằng Tổ quốc ghi công số BC777^k ngày 12-4-1973.

Mẹ NGUYỄN THỊ DUYỆT



Năm sinh: 1904; năm từ trần: 1985
Quê quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 12-1994.
Có 3 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Diệp: Nhập ngũ tháng 4-1946; Hy sinh ngày 6-7-1954; Bằng Tổ quốc ghi công số XT775^b ngày 02-01-1960.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Hữu; nhập ngũ năm 1950; Hy sinh năm 1954; Bằng Tổ quốc ghi công số MC633^b ngày 9-5-1975.
3. Liệt sĩ Nguyễn Mạnh Thắng: Sinh năm 1939; nhập ngũ tháng 4-1965; Hy sinh ngày 18-10-1966; Bằng Tổ quốc ghi công số SD999^b ngày 11-8-1976.



Mẹ GIANG THỊ LAN



Năm sinh: 1909; năm từ trần: 1983
Quê quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Long: Nhập ngũ tháng 12-1953; Hy sinh ngày 21-7-1954; Bằng Tổ quốc ghi công số XU422^b ngày 02-01-1960.

Mẹ PHẠM THỊ VÕI



Năm sinh: 1903; năm từ trần:*
Quê quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Giang Văn Vinh: Sinh năm 1937; nhập ngũ tháng 5-1968; Hy sinh ngày 28-8-1970; Bằng Tổ quốc ghi công số RN 206^b ngày 09-7-1976.

Mẹ NGUYỄN THỊ HÈ



Năm sinh: 1909; năm từ trần: 1978
Quê quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Đỗ Thành Kiệt: Sinh năm 1940; nhập ngũ tháng 4-1968; Hy sinh ngày 09-11-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số EX 794^b ngày 23-6-1973.

* Chưa xác minh được thông tin



Mẹ NGUYỄN THỊ CHẮT



Năm sinh: 1880; năm từ trần: 1950
Quê quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Chu Văn Giảng: Nhập ngũ tháng 9-1949; Hy sinh ngày 03-3-1950; Bằng Tổ quốc ghi công số XG 960^k ngày 02-01-1960.

Mẹ ĐỖ THỊ RẢNH



Năm sinh: 1906; năm từ trần: 1938
Quê quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 4-1997.
Con độc nhất là liệt sĩ Hoàng Văn Thơm: Nhập ngũ tháng 4-1952; Hy sinh ngày 21-01-1954; Bằng Tổ quốc ghi công số XU 439^b ngày 02-01-1960.

Mẹ LÊ THỊ DƯ



Năm sinh: 1916; năm từ trần: 1936
Quê quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 4-1997.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Hán: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 02-1967; Hy sinh ngày 27-11-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số GL 466^b ngày 22-9-1973.



Mẹ LÊ THỊ NỤ



Năm sinh: 1911; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 4-1997.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Thịnh: Sinh năm 1944; nhập ngũ ngày 18-01-1946; Hy sinh ngày 15-02-1946; Bằng Tổ quốc ghi công số XH 004^k ngày 02-01-1960.

Mẹ NGUYỄN THỊ NỞ



Năm sinh: 1908; năm từ trần:*
Quê quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 4-1997.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Đức Phong: Sinh năm 1931; nhập ngũ ngày 10-5-1954; Hy sinh ngày 24-6-1954; Bằng Tổ quốc ghi công số XT 898^b ngày 02-01-1960.

Mẹ NGUYỄN THỊ LƯƠNG



Năm sinh: 1920; năm từ trần:*
Quê quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 4-1997.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Xuân Dậu: Sinh năm 1933; nhập ngũ tháng 11-1952; Hy sinh ngày 19-10-1970; Bằng Tổ quốc ghi công số SB 797^b ngày 13-8-1976.

* Chưa xác minh được thông tin



Mẹ CHU THỊ MÙI



Năm sinh: 1901; năm từ trần: 1991
Quê quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 4-1997.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Khoa: Sinh năm 1927; nhập ngũ tháng 3-1950; Hy sinh ngày 16-9-1950; Bằng Tổ quốc ghi công số XT 856^p ngày 02-01-1960.

Mẹ TRẦN THỊ SÁO



Năm sinh: 1916; năm từ trần:
Quê quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng ngày 31-12-1999.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Thị Định: Nhập ngũ năm 1952; Hy sinh ngày 24-5-1954; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐY 717^k.

Mẹ ĐÀO THỊ VÁCH



Năm sinh: 1917; năm từ trần: 2013
Quê quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Đẩu: Sinh năm 1952; nhập ngũ ngày 19-8-1971; Hy sinh ngày 02-7-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số NL116^p
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Nhựt: Sinh ngày 01-10-1943; nhập ngũ ngày 04-4-1963; Hy sinh ngày 31-7-2010 tại Bình Minh, Khoái Châu, Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số HM585.



Mẹ GIANG THỊ TÝ



Năm sinh: 1911; năm từ trần: 1987
Quê quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223-QĐ/CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đỗ Thành Quý: Sinh năm 1935; nhập ngũ tháng 02-1952; Hy sinh ngày 17-02-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số XG990^K.
2. Liệt sĩ Đỗ Hữu Thanh: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 02-1965; Hy sinh ngày 05-8-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số BK101^P.

Mẹ GIANG THỊ BÉ



Năm sinh: 1929; năm từ trần: 2013
Quê quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223-QĐ/CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Chu Thịnh: Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 4-1966; Hy sinh ngày 25-3-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số VL45^b.
2. Liệt sĩ Nguyễn Chu Vượng: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 11-1968; Hy sinh ngày 23-3-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số GN374^P.

Mẹ ĐỖ THỊ GÁI



Năm sinh: 1912; năm từ trần: 1983
Quê quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223-QĐ/CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Chu Tiến Lịch: Sinh năm 1938; nhập ngũ tháng 02-1959; hy sinh tháng 02-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số RL277^b.
2. Liệt sĩ Chu Văn Vượng: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 6-1963; Hy sinh ngày 12-5-1970; Bằng Tổ quốc ghi công số CB630^b.



Mẹ GIANG THỊ BÉ



Năm sinh: 1923; năm từ trần: 1995
Quê quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223-QĐ/CTN ngày 06-9-2014.
Chồng là liệt sĩ Chu Văn Giảng: Nhập ngũ tháng 9-1949; Hy sinh ngày 03-3-1950; Bằng Tổ quốc ghi công số XG960^k.
Có 1 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Chu Văn Ngữ: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 6-1963; Hy sinh ngày 25-3-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số PT331^b.

Mẹ LÊ THỊ DƯƠNG



Năm sinh: 1909; năm từ trần: 1988
Quê quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223QĐ/CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đỗ Thành Thông: Nhập ngũ tháng 7-1951; Hy sinh ngày 17-12-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số XH008^k.
2. Liệt sĩ Đỗ Thị Yến: Nhập ngũ năm 1950; Hy sinh ngày 24-5-1954; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐY706^{kp}.

Mẹ HOÀNG THỊ CỪ



Năm sinh: 1911; năm từ trần: 1973
Quê quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223-QĐ/CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Xuân Kỳ: Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 4-1967; Hy sinh ngày 27-5-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số VM787^b.
2. Liệt sĩ Nguyễn Đức Cập: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 9-1968; Hy sinh ngày 24-7-1970; Bằng Tổ quốc ghi công số GN274^b.



Mẹ LÊ THỊ CÁT



Năm sinh: 1923; năm từ trần: 1993
Quê quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223-QĐ/CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lê Văn Vẹn: Sinh năm 1948; nhập ngũ tháng 01-1966; Hy sinh ngày 24-8-1967; Bằng Tổ quốc ghi công số GN367^b.
2. Liệt sĩ Lê Văn Viễn: Sinh năm 1954; nhập ngũ tháng 5-1971; Hy sinh ngày 04-7-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số OL994^b.

Mẹ HOÀNG THỊ LÙN



Năm sinh: 1922
Quê quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2222-QĐ/CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Hữu Nga: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 12-1967; Hy sinh ngày 13-3-1975; Bằng Tổ quốc ghi công số TG889^b.
2. Liệt sĩ Phạm Hữu Xiêm: Sinh năm 1952; nhập ngũ tháng 02-1968; Hy sinh ngày 30-4-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số RH884^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ KHUYÊN



Năm sinh: 1914; năm từ trần: 1995
Quê quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223-QĐ/CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đỗ Thành Huấn: Sinh năm 1942; nhập ngũ tháng 02-1960; Hy sinh ngày 20-3-1971; Bằng Tổ quốc ghi công số BK033^b.
2. Liệt sĩ Đỗ Thành Thuận: Sinh năm 1942; nhập ngũ tháng 5-1965; Hy sinh ngày 04-5-1971; Bằng Tổ quốc ghi công số EX912^b.



Mẹ LÊ THỊ NHẬT



Năm sinh: 1928
Quê quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2222-QĐ/CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Văn Sơn: Sinh năm 1952; nhập ngũ tháng 7-1972; Hy sinh ngày 31-12-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số GN381^b.
2. Liệt sĩ Phạm Văn Hiền: Sinh năm 1957; nhập ngũ tháng 5-1978; Hy sinh ngày 26-7-1979; Bằng Tổ quốc ghi công số 9D703^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ LIÊN



Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1976
Quê quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254-QĐ/CTN ngày 10-02-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Giang Văn Nhỡ: Sinh năm 1922; nhập ngũ tháng 6-1946; Hy sinh ngày 7-7-1948; Bằng Tổ quốc ghi công số XG983^k.
2. Liệt sĩ Giang Văn Ngoan: Nhập ngũ tháng 10-1945; Hy sinh ngày 19-8-1947; Bằng Tổ quốc ghi công số XG983^k.

Mẹ PHẠM THỊ ÂN



Năm sinh: 1906; năm từ trần: 1943
Quê quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254-QĐ/CTN ngày 10-02-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lê Văn Địch: Nhập ngũ tháng 8-1947; Hy sinh ngày 24-4-1948; Bằng Tổ quốc ghi công số XH070^b.
2. Liệt sĩ Lê Văn Chiêu: Nhập ngũ tháng 01-1952; Hy sinh ngày 16-4-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số XH146^b.



Mẹ HOÀNG THỊ VI



Năm sinh: 1897; năm từ trần: 1968
Quê quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254-QĐ/CTN ngày 10-02-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Hộ: Sinh năm 1928; nhập ngũ tháng 4-1953; Hy sinh ngày 04-4-1954; Bằng Tổ quốc ghi công số XR998^b.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Mỗ: Sinh năm 1930; nhập ngũ tháng 11-1952; Hy sinh ngày 02-10-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số XT068^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ TẦN



Năm sinh: 1893; năm từ trần: 1953
Quê quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254-QĐ/CTN ngày 10-02-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Giang Văn Lai: Nhập ngũ tháng 9-1946; hy sinh tháng 11-1950; Bằng Tổ quốc ghi công số DX917^b.
2. Liệt sĩ Giang Văn Lược: Nhập ngũ tháng 01-1951; hy sinh tháng 4-1952; Bằng Tổ quốc ghi công số DX972^b.

Mẹ CHƯƠNG THỊ THANH



Năm sinh: 1918
Quê quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254-QĐ/CTN ngày 10-02-2015.
Con độc nhất là liệt sĩ Chu Văn Chính: Sinh năm 1951; nhập ngũ tháng 4-1970; hy sinh tháng 4-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số NK337^b ngày 9-7-1974.



BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ BÌNH KIỀU

Mẹ ĐẶNG THỊ NGHIÊN



Năm sinh: 1922
Quê quán: Xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN, ngày 27-8-1995.
Chồng là liệt sĩ Nguyễn Đình Vinh: Sinh năm 1921; Hy sinh năm 1950; Bằng Tổ quốc ghi công số BC 821^k.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Nguyễn Đình Khoa (Khoa): Sinh năm 1947; Hy sinh ngày 17-10-1971; Bằng Tổ quốc ghi công số NK-424^b.

Mẹ LÊ THỊ SÁU



Năm sinh: 1902; năm từ trần: 1990
Quê quán: Xã Trai Trang, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng ngày 27-8-1995.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Hữu Tập: Sinh năm 1930; Hy sinh ngày 24-3-1954; Bằng Tổ quốc ghi công số XY 766^b
2. Liệt sĩ Nguyễn Hữu Cập: Sinh năm 1936; Hy sinh ngày 17-3-1969 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số BV 947^b/CL

Mẹ TRẦN THỊ HÀI



Năm sinh: 1905; năm từ trần: 1984
Quê quán: Xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng ngày 24-4-1996.
Con độc nhất là liệt sĩ Đỗ Văn Thoại: Sinh năm 1939; Hy sinh ngày 15-9-1968 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số ED-168^b.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ CHÍ TÂN



Mẹ NGUYỄN THỊ NGUYỆT



Năm sinh: 1896; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Chí Tân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Chí Tân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN, ngày 14-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Văn Cảnh: Sinh năm 1923; hy sinh tháng 4-1954 tại huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XR 968^b ngày 01-12-1959.

Mẹ NGUYỄN THỊ CẤT



Năm sinh: 1901; năm từ trần: 2004
Quê quán: Xã Chí Tân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Chí Tân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN, ngày 14-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Hữu Thịnh: Sinh năm 1928; Hy sinh ngày 19-12-1950 tại xã Chí Tân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XA1562^c.

Mẹ NGUYỄN THỊ CỎN



Năm sinh: 1919; năm từ trần: 1995
Quê quán: Xã Chí Tân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Chí Tân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN, ngày 14-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Thuận: Sinh năm 1943; Hy sinh ngày 13-2-1968 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số NA 116^b ngày 13-01-1970.

* Chưa xác minh được thông tin



Mẹ ĐINH THỊ VY



Năm sinh: 1904; năm từ trần: 1988
Quê quán: Xã Chí Tân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Chí Tân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN, ngày 14-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Đức Tổng: Sinh năm 1940: Hy sinh ngày 07-8-1972 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GL 569^b ngày 27-9-1973.

Mẹ NGUYỄN THỊ CĂN



Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1958
Quê quán: Xã Vân Du, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Chí Tân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN, ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Đinh Văn Khoái: Sinh năm 1933: Hy sinh ngày 25-5-1954 tại xã Chí Tân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XG 001^k ngày 02-11-1959.

Mẹ HOÀNG THỊ MẠN



Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1962
Quê quán: Xã Chí Tân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Chí Tân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN, ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Đinh Văn Kiều: Sinh năm 1930: Hy sinh ngày 19-12-1950 tại xã Chí Tân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 1553^c ngày 02-11-1959.



Mẹ NGUYỄN THỊ NGÀN



Năm sinh: 1902; năm từ trần: 1947
Quê quán: Xã Chí Tân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Chí Tân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN, ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Cao Đức Long: Sinh năm 1925; Hy sinh ngày 03-02-1950 tại xã Chí Tân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XG 142^k.

Mẹ NGUYỄN THỊ BẰNG



Năm sinh: 1925
Quê quán: Xã Chí Tân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Chí Tân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2222/QĐ-CTN, ngày 6-9-2014.
Chồng là liệt sĩ Nguyễn Đức Nùng: Sinh năm 1925; Hy sinh ngày 20-02-1953 tại xã Chí Tân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XG021^k.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Nguyễn Đức Lợi: Sinh năm 1951; Hy sinh ngày 06-12-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GN330^b.





BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ DẠ TRẠCH

Mẹ NGUYỄN THỊ DỊU



Năm sinh: 1901; năm từ trần: 1954
Quê quán: Xã Dạ Trạch, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dạ Trạch, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.
Bản thân Mẹ là liệt sĩ.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Nguyễn Khắc Dáng: Sinh năm 1935; nhập ngũ tháng 02-1952; đơn vị tại ngũ C27, Quân khu Tả ngạn; hy sinh tháng 9-1952; Bằng Tổ quốc ghi công số XT 776^b ngày 02-01-1960.

Mẹ NGUYỄN THỊ ĐÀ



Năm sinh: 1923; năm từ trần: 1997
Quê quán: Xã Dạ Trạch, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dạ Trạch, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lê Ngọc Hỉ: Sinh năm 1951; nhập ngũ tháng 7-1968; Hy sinh ngày 10-3-1975; Bằng Tổ quốc ghi công số SB 981^b ngày 13-8-1976.
2. Liệt sĩ Lê Ngọc Nhí: Sinh năm 1952; nhập ngũ tháng 4-1970; Hy sinh ngày 02-8-1971; Bằng Tổ quốc ghi công số NO952^b ngày 17-8-1974.

Mẹ PHAN THỊ ĐÀO



Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1982
Quê quán: Xã Dạ Trạch, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dạ Trạch, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương chiến công giải phóng hạng Ba; Chiến sỹ vẻ vang hạng Ba; Chiến sỹ giải phóng hạng Ba.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đặng Văn Trà: Sinh năm 1940; nhập ngũ 1959; đơn vị tại ngũ H2, đội 3, đoàn 8, đơn vị 4007, Hải Quân; Hy sinh ngày 25-01-1965; Bằng Tổ quốc ghi công số OS 522^{bm}/CL ngày 18-3-1975.
2. Liệt sĩ Đặng Xuân Đăng: Sinh năm 1942; nhập ngũ tháng 11-1964; Hy sinh ngày 25-3-1969; Bằng Tổ quốc ghi công số EX 771^b ngày 23-6-1973.



Mẹ NGUYỄN THỊ NHANG



Năm sinh: 1899; năm từ trần: 1992
Quê quán: Xã Dạ Trạch, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dạ Trạch, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Bằng khen của Tỉnh; Huân chương kháng chiến hạng Hai.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Chắp: Sinh năm 1921; nhập ngũ tháng 5-1947; đơn vị tại ngũ C32 huyện đội Khoái Châu: Hy sinh ngày 09-11-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số NC 123^{bp}/CL ngày 02-1-1976.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Tẩy: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 3-1963; Hy sinh ngày 11-11-1969; Bằng Tổ quốc ghi công số GL 553^b ngày 27-9-1973.

Mẹ ĐẶNG THỊ NHÂM



Năm sinh: 1905; năm từ trần: 1995
Quê quán: Xã Dạ Trạch, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dạ Trạch, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Hai.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lê Văn Nhị: Sinh năm 1930; nhập ngũ ngày 30-5-1951; hy sinh tháng 1-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số XG 854^k ngày 02-01-1960.
2. Liệt sĩ Lê Văn Núi: Sinh năm 1940; nhập ngũ tháng 2-1961; Hy sinh ngày 26-3-1971; Bằng Tổ quốc ghi công số HV 575^b ngày 27-11-1973.

Mẹ LÊ THỊ TÍCH



Năm sinh: 1910; năm từ trần: 1996
Quê quán: Xã Dạ Trạch, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dạ Trạch, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Trần Văn Minh: Sinh năm 1943; nhập ngũ tháng 9-1966; Hy sinh ngày 11-5-1970; Bằng Tổ quốc ghi công số NY066^p ngày 9-9-1974.
2. Liệt sĩ Trần Xuân Sấn: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 02-1968; hy sinh tháng 6-1985; Bằng Tổ quốc ghi công số BO 357^{bt} ngày 08-7-1987.



Mẹ NGUYỄN THỊ UYỂN



Năm sinh: 1898; năm từ trần: 1944
Quê quán: Xã Dạ Trạch, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dạ Trạch, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đặng Văn Vận: Sinh năm 1925; nhập ngũ ngày 03-5-1951; Hy sinh ngày 17-01-1951; Bằng Tổ quốc ghi công số XG 872^k ngày 02-01-1960.
2. Liệt sĩ Đặng Văn Bé: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 05-1965; Hy sinh ngày 06-4-1967; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐM 819^c ngày 16-02-1970.

Mẹ NGUYỄN THỊ HIẾU



Năm sinh: 1912; năm từ trần: 2001
Quê quán: Xã Dạ Trạch, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dạ Trạch, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN, ngày 10-02-2015.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương kháng chiến hạng Ba.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Ha: Sinh năm 1939; nhập ngũ tháng 02-1960; Hy sinh ngày 10-9-1969; Bằng Tổ quốc ghi công số EZ 452^b ngày 05-4-1973.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Thương: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 3-1967; Hy sinh ngày 14-8-1974; Bằng Tổ quốc ghi công số VL 154^d ngày 15-4-1977.

Mẹ ĐỖ THỊ VẠN



Năm sinh: * ; năm từ trần:*
Quê quán: Xã Dạ Trạch, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dạ Trạch, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN, ngày 10-02-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lê Xuân Phụng: Sinh năm 1914; nhập ngũ năm 1952; Hy sinh ngày 29-5-1947; Bằng Tổ quốc ghi công số XH 196^{bp}/CL ngày 02-01-1960.
2. Liệt sĩ Lê Xuân Phụng: Sinh năm 1918; nhập ngũ tháng 7-1949; Hy sinh ngày 16-11-1950; Bằng Tổ quốc ghi công số XU 197^{bp}/CL ngày 02-01-1960.



Mẹ HÀ THỊ LƯƠNG



Năm sinh: 1915; năm từ trần: 1995
Quê quán: Xã Dạ Trạch, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dạ Trạch, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN, ngày 24/11/2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Đức Xum: Sinh năm 1954; nhập ngũ ngày 15-5-1971; Hy sinh ngày 16-4-1974; Bằng Tổ quốc ghi công số PL 312^b ngày 19-8-1975.
2. Liệt sĩ Nguyễn Hữu Lý: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 3-1967; Hy sinh ngày 27-5-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số AS 259^b ngày 16-8-1971.





BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ ĐẠI HƯNG

Mẹ NGUYỄN THỊ CỰ



Năm sinh: 1922; năm từ trần: 1955
Quê quán: Xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng ngày 17-12-1994
Con độc nhất là liệt sĩ Bùi Trọng Tạc: Sinh năm 1943: Nhập ngũ tháng 4-1965; đơn vị tại ngũ KT; hy sinh ngày 01-12-1966 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OM 391^{bm}/CL ngày 20-10-1972.

Mẹ ĐÀO THỊ MỊCH (Mẹ NGUYỄN THỊ MỊCH)



Năm sinh: 1918; năm từ trần: 1985
Quê quán: Xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Đào Quang Hệ: Sinh năm 1922: Nhập ngũ năm 1946: Hy sinh năm 1948; Bằng Tổ quốc ghi công số BC 629^{kp}/CL

Mẹ CAO THỊ THỨ



Năm sinh: 1881; năm từ trần: 1947
Quê quán: Xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Đào Văn Thiêm: Sinh năm 1916: Nhập ngũ tháng 02-1946; đơn vị tại ngũ Tỉnh đội Hưng Yên; hy sinh ngày 10-12-1950; Bằng Tổ quốc ghi công số KC 039^{bp}/CL ngày 20-10-1972.



Mẹ ĐÀO THỊ TÝ



Năm sinh: 1901; năm từ trần: 1947
Quê quán: Xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Đào Văn Tụ: Sinh năm 1922; Nhập ngũ năm 1945; đơn vị tại ngũ C32; hy sinh tháng 01-1951; Bằng Tổ quốc ghi công số MC 509^{bp}/CL ngày 28-01-1975.

Mẹ ĐÀO THỊ BÀNG



Năm sinh: 1922; năm từ trần: 2006
Quê quán: Xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng ngày 17-12-1994.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương Độc lập.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Quang Vinh: Sinh năm 1953; Nhập ngũ tháng 06-1978; đơn vị tại ngũ C4 E11 F10 QĐ3; hy sinh ngày 21-02-1979 tại Mặt trận Tây Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số 9G 948^b

Mẹ NGUYỄN THỊ DÃ



Năm sinh: 1917; năm từ trần: 2009
Quê quán: Xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng ngày 17-12-1994.
Có 3 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Bùi Văn Ước: Sinh năm 1941; nhập ngũ năm 1967; đơn vị tại ngũ D7-KB: Hy sinh ngày 07-10-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số QT 006 /CL ngày 18-7-2013.
2. Liệt sĩ Bùi Duy Đông: Sinh năm 1945; nhập ngũ tháng 12-1971; đơn vị tại ngũ KB: Hy sinh ngày 04-8-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GI 508 /CL.
3. Liệt sĩ Bùi Văn Năm: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 3-1967; đơn vị tại ngũ P2: Hy sinh ngày 16-9-1969 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VB 930 ngày 13-4-1977.



Mẹ ĐÀO THỊ MỸ



Năm sinh: 1892; năm từ trần: 1967
Quê quán: Xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 384 KT-CTN, ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Đào Văn Trong (Trọng): Sinh năm 1921: Nhập ngũ năm 1945; hy sinh tháng 12-1949 tại xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số AC 444^c ngày 20-10-1972.

Mẹ LÊ THỊ ÓNG



Năm sinh: 1907; năm từ trần: 1946
Quê quán: Xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 1212KT-CTN, ngày 28-4-1997.
Con độc nhất là liệt sĩ Bùi Đăng Khoa: Sinh năm 1942: Nhập ngũ tháng 9-1965; đơn vị tại ngũ C450; hy sinh ngày 10-01-1970 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số EK 354^b ngày 12-4-1973.

Mẹ HOÀNG THỊ CẢNH



Năm sinh: 1847; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN, ngày 06-9-2014.
Mẹ có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Khắc Cần: Sinh năm 1881: Nhập ngũ năm 1929; hy sinh ngày 30-4-1931 tại Nhà tù Sơn La; Bằng Tổ quốc ghi công số BC 149c ngày 02-01-1976.
2. Liệt sĩ Nguyễn Khắc Chuyên: Sinh năm 1884: Nhập ngũ năm 1929; hy sinh ngày 10-6-1931 tại Nhà tù Sơn La; Bằng Tổ quốc ghi công số BC 151^c ngày 2-01-1976.



Mẹ HOÀNG THỊ HANH



Năm sinh: 1905; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750-QĐ/CTN ngày 02-4-2014.
Chồng là liệt sĩ Đào Văn Lương: Sinh năm 1920: Nhập ngũ năm 1945; hy sinh tháng 11 -1950 tại xã Đại Hưng; Bằng Tổ quốc ghi công số BC 830^{kp}/CL ngày 18-7-2013. Có 1 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đào Văn Toát: Sinh năm 1946: Nhập ngũ tháng 2-1964; đơn vị tại ngũ E98-Đ559; hy sinh ngày 12-7-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OM 043^{bm}/CL ngày 12-6-1969.

Mẹ ĐÀO THỊ NHỊ



Năm sinh: 1917; năm từ trần: 1996
Quê quán: Xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.
Mẹ có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Kim Phan: Sinh năm 1942: Nhập ngũ tháng 4-1962; đơn vị tại ngũ KB; hy sinh ngày 30-9-1969 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số ED 137^b ngày 31-3-1973.
2. Liệt sĩ Nguyễn Bá Chu: Sinh năm 1951: Nhập ngũ tháng 4-1968; đơn vị tại ngũ C19 E28 P3; hy sinh ngày 19-5-1971 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SD 482^b ngày 13-8-1976.

Mẹ ĐÀO THỊ PHIẾM



Năm sinh: 1904; năm từ trần: 1983
Quê quán: Xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Phụ nữ "3 đảm đang" thời kỳ chống Mỹ.
Mẹ có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đào Thị Miên, sinh ngày 21-5-1931, nhập ngũ năm 1952; hy sinh ngày 13-7-1953 tại xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số BC 626^k ngày 20-10-1972.
2. Liệt sĩ Đào Quang Đàm: Sinh năm 1934; nhập ngũ năm 1952; hy sinh ngày 13-7-1953 tại xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số BC 828^{op} ngày 20-10-1972.



Mẹ AN THỊ SÂM



Năm sinh: 1892; năm từ trần: 1995
Quê quán: Xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương kháng chiến hạng Ba.
Mẹ có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Cao Xuân Việt: Sinh năm 1928; Nhập ngũ năm 1949; Hy sinh năm 1950 tại xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐC 346^{kp}/CL ngày 25-1-1975.
2. Liệt sĩ Cao Đắc Khánh: Sinh năm 1932; Nhập ngũ năm 1951; đơn vị tại ngũ C32; hy sinh ngày 21-01-1954; Bằng Tổ quốc ghi công số XT862^b.

Mẹ ĐÀO THỊ THỰC (NHỚN)



Năm sinh: 1892; năm từ trần: 1917
Quê quán: Xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN, ngày 10-02-2015.
Mẹ có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đào Văn Liên: Sinh năm 1927; hy sinh ngày 20-5-1951; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 118^{BP} 1111/QĐ/TTg ngày 07-10-2003.
2. Liệt sĩ Đào Văn Lạc: Sinh năm 1931; Nhập ngũ năm 1946; đơn vị tại ngũ C32; hy sinh ngày 16-8-1949; Bằng Tổ quốc ghi công số XT 872^{bp}/CL ngày 02-01-1960.





Mẹ PHẠM THỊ BẢY



Năm sinh: 1904; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 07-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Phạm Gia Ninh: Bằng Tổ quốc ghi công số KQ1650^b.

Mẹ PHẠM THỊ LÝ



Năm sinh: 1915; năm từ trần: 1946
Quê quán: Xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN tháng 12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Dương Quang Trung: Sinh năm 1941; Bằng Tổ quốc ghi công số MP803^b.

Mẹ PHẠM THỊ LÀ



Năm sinh: 1902; năm từ trần: 1961
Quê quán: Xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN tháng 12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Phạm Văn Tin: Hy sinh ngày 10-6-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số CN 837^{bm}/c/L ngày 05-8-1972.

* Chưa xác minh được thông tin



Mẹ DƯƠNG THỊ THỤC



Năm sinh: 1906; năm từ trần: 1999
Quê quán: Xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Minh Phương: Sinh năm 1943; nhập ngũ tháng 3-1962; Hy sinh ngày 17-02-1965; Bằng Tổ quốc ghi công số OX961^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ CÚC



Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1971
Quê quán: Xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 01-12-1994
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Tá: Bằng Tổ quốc ghi công số XC 253^{cb}/cL.

LÊ THỊ TRUYỀN



Năm sinh: 1912; năm từ trần: 1956
Quê quán: Xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Phạm Văn Quán: Sinh năm 1928; nhập ngũ ngày 20-02-1949; đơn vị tại ngũ Quân báo Quân khu 3; Hy sinh ngày 24-4-1950 tại Đại Tập, Khoái Châu, Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XU066^b.



Mẹ TRẦN THỊ MẠC



Năm sinh: 1904; năm từ trần: 1942
Quê quán: Xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Đức Chương: Hy sinh tháng 9-1951 tại xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số OX 980^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ MƠ



Năm sinh: 1915; năm từ trần: 1946
Quê quán: Xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Phạm Xuân Thiêm: Hy sinh ngày 03-9-1966; Bằng Tổ quốc ghi công số MT 935^{bm/CL}.

Mẹ DƯƠNG THỊ MONG



Năm sinh: 1898; năm từ trần: 1910
Quê quán: Xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Văn Tất: Hy sinh ngày 02-7-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số KC035^B.



Mẹ PHẠM THỊ NHẨM



Năm sinh: 1912; năm từ trần: 1944
Quê quán: Xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Trần An Vui: Sinh năm 1935; Bằng Tổ quốc ghi công số EM673^c ngày 28 -9-1976.

Mẹ NGUYỄN THỊ MIÊN



Năm sinh: 1905; năm từ trần: 1994
Quê quán: Xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Có 3 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Trần Thành Thao: Sinh năm 1943; nhập ngũ tháng 02 -1961; đơn vị tại ngũ 5T42, Quân khu 4: Hy sinh ngày 04-3 -1966 tại Mặt trận phía Tây; Bằng Tổ quốc ghi công số TM760^b.
2. Liệt sĩ Trần Thành Đăng: Đơn vị tại ngũ C2T21F9KB: Hy sinh ngày 09-02-1968 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GN254^b.
3. Liệt sĩ Trần Thành Đăng: Sinh năm 1944; đơn vị tại ngũ Tiểu đoàn 4, KN: Hy sinh ngày 17-6-1972 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HV919^b.

Mẹ HOÀNG THỊ ĐƯỢC



Năm sinh: *; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Liên Khê, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Liên Khê, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223-QĐ/CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Tường Duy Hưu: Sinh năm 1943; đơn vị tại ngũ Tổng Cục chính trị cục cán bộ: Hy sinh ngày 19-01-1971 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LG659^{p/CL}.
2. Liệt sĩ Tường Duy Ninh: Sinh năm 1947; đơn vị tại ngũ Đoàn 559 binh trạm 31: Hy sinh ngày 18-11-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số VM721^{b/CL}



Mẹ NGUYỄN THỊ CHUNG



Năm sinh: 1894; năm từ trần: 1962
Quê quán: Xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223 QĐ/CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Đức Cảnh: Hy sinh ngày 15 -10-1950; Bằng Tổ quốc ghi công số SY 763^{BP}/CL
2. Liệt sĩ Nguyễn Đức Cẩn: Hy sinh tháng 6 -1953; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ1615^{BP}/CL

Mẹ NGUYỄN THỊ DỪA



Năm sinh: 1919; năm từ trần: 1998
Quê quán: Xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223 QĐ/CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đỗ Đức Chúc: Hy sinh ngày 27-7-1972 tại Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số LT171^b ngày 25-7-1974.
2. Liệt sĩ Đỗ Xuân Trường: Hy sinh ngày 01-3-1979; Bằng Tổ quốc ghi công số 9D-937^b ngày 03-12-1979.

Mẹ NGUYỄN THỊ KHUÊ



Năm sinh: 1921; năm từ trần: 2014
Quê quán: Xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2222-QĐ/CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Dương Cao Nghiêm: Sinh năm 1943; nhập ngũ tháng 01-1966; Hy sinh ngày 07-4-1982; Bằng Tổ quốc ghi công số V-861^{bt} ngày 28-12-1983.
2. Liệt sĩ Dương Văn Miêng: Sinh năm 1943; nhập ngũ tháng 01-1966; đơn vị tại ngũ D6KB; Hy sinh ngày 22-02-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SA-418^b ngày 11-8-1976.



Mẹ PHẠM THỊ NHÃ



Năm sinh: 1923; năm từ trần: 2002
Quê quán: Xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ/CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Khắc Cương: Sinh năm 1950; Hy sinh ngày 20-5-1970; Bằng Tổ quốc ghi công số SB 787^b ngày 13-8-1976.
2. Liệt sĩ Phạm Khắc Chương: Sinh năm 1953; Hy sinh ngày 03-9-1974; Bằng Tổ quốc ghi công số NI 652^b ngày 22-3-1977.

Mẹ PHẠM THỊ HỒI



Năm sinh: 1890; năm từ trần: 1972
Quê quán: Xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Hữu Sen: Sinh năm 1927; nhập ngũ năm 1949; đơn vị tại ngũ Huyện đội Khoái Châu: Hy sinh ngày 14-10-1950 tại xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XU082^{bp}/CL.
2. Liệt sĩ Phạm Hữu Long: Sinh năm 1933; nhập ngũ tháng 01-1949; Hy sinh ngày 26-3-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số HA597^b.

Mẹ PHẠM THỊ HỚT



Năm sinh: 1892; năm từ trần: 1956
Quê quán: Xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Thành Ấn: Hy sinh ngày 27-10-1950; Bằng Tổ quốc ghi công số XG945^k ngày 02-01-1960.
2. Liệt sĩ Phạm Thành Đức: Sinh năm 1921; nhập ngũ tháng 3-1950; đơn vị tại ngũ C47: Hy sinh ngày 21-01-1952 tại Mễ Sở, Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XG956^k ngày 02-01-1960.



Mẹ PHẠM THỊ VIỄN



Năm sinh: 1912; năm từ trần: 1952
Quê quán: Xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Đức Dương: Sinh năm 1940; đơn vị tại ngũ Ban Tham mưu Trung đoàn 335; Hy sinh ngày 23-02-1972 tại Mặt trận phía Tây; Bằng Tổ quốc ghi công số LB036^b ngày 02-3-1974.
2. Liệt sĩ Nguyễn Thành Hợp: Hy sinh ngày 10-5-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số VH 446^b ngày 5-4-1977.

Mẹ PHẠM THỊ NHUNG



Năm sinh: 1920; năm từ trần: 1992
Quê quán: Xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Thành Quỳnh: Hy sinh ngày 19-5-1969; Bằng Tổ quốc ghi công số VK071^b ngày 29-3-1977.
2. Liệt sĩ Nguyễn Thành Ty: Hy sinh ngày 13-4-1971; Bằng Tổ quốc ghi công số GL559^b.

Mẹ ĐẶNG THỊ MÀN



Năm sinh: 1890; năm từ trần: 1964
Quê quán: Xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ/CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Khắc Kính: Hy sinh ngày 04/7/1951; Bằng Tổ quốc ghi công số KC0274^b
2. Liệt sĩ Nguyễn Khắc Quê: Nhập ngũ tháng 3-1945; Hy sinh ngày 16-12-1950; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐY79CP ngày 28-4-1999.



BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ DÂN TIẾN

Mẹ ĐỖ THỊ THÌN



Năm sinh: 1899; năm từ trần: 1967
Quê quán: Xã Hồng Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Phan Văn Sảo: Sinh năm 1919; Hy sinh năm 1950 tại xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Mẹ NGUYỄN THỊ HUÊ



Năm sinh: 1913; năm từ trần: 1999
Quê quán: Xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phan Văn Mâu: Sinh năm 1934; Hy sinh năm 1968 tại tỉnh Quảng Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số BM 301^b.
2. Liệt sĩ Phan Tuấn Doanh: Sinh năm 1938; Hy sinh năm 1971 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số NL 093^b.

Mẹ LÊ THỊ NĂM



Năm sinh: 1907; năm từ trần: 1983
Quê quán: Xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đinh Văn Tuyển: Sinh năm 1932; Hy sinh năm 1953 tại xã Việt Hòa, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1750^c.
2. Liệt sĩ Đinh Văn Đường: Sinh năm 1930; Hy sinh năm 1953 tại huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 1937^c.



Mẹ PHAN THỊ NHÃN



Năm sinh: 1913; năm từ trần: 1990
Quê quán: Xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.

Có 02 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Hoàng Văn Giao: Sinh năm 1932; Hy sinh năm 1952 tại xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XD 994^k.
2. Liệt sĩ Hoàng Văn Thiệp: Sinh năm 1934; Hy sinh năm 1971 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GL 382^b.

Mẹ DƯƠNG THỊ NUÔI



Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1985
Quê quán: Xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Lự: Sinh năm 1922; Hy sinh năm 1951 tại xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XG 006^k.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Chỉ: Sinh năm 1924; Hy sinh năm 1952 tại huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số X21250^b.

Mẹ ÔN THỊ KHƯƠNG



Năm sinh: 1884; năm từ trần: 1963
Quê quán: Xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN, ngày 06-9-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Dương Văn Dê: Sinh năm 1912; Hy sinh năm 1950 tại xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.
2. Liệt sĩ Dương Văn Bích: Sinh năm 1922; Hy sinh năm 1951 tại xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1339^b.



Mẹ LÊ THỊ LÝ



Năm sinh: 1910; năm từ trần: 2004

Quê quán: Xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên

Trú quán: Xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN, ngày 24-11-2015.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Tào: Sinh năm 1933; Hy sinh năm 1968 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số MT 872^b.

2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Tảo: Sinh năm 1950; Hy sinh năm 1971 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OL 963b ngày 05-6-2014.





Mẹ VŨ THỊ PHONG



Năm sinh: 1907; năm từ trần: 1961
Quê quán: Xã Đông Kết, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Kết, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Đỗ Chí Mục: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 12-1967; Hy sinh ngày 15-7-1968 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số 392-TTg ngày 13-8-1976.

Mẹ HOÀNG THỊ NGHẼN



Năm sinh: 1905; năm từ trần: 1981
Quê quán: Xã Đông Kết, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Kết, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Đỗ Bá Phùng: Sinh năm 1941; nhập ngũ tháng 3-1966; đơn vị tại ngũ C1 D7 KH; Hy sinh ngày 06-5-1968 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số 131-TTg.

Mẹ LÊ THỊ VY



Năm sinh: 1921; năm từ trần: 1994
Quê quán: Xã Đông Kết, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Kết, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước Phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Đỗ Chí Hương: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 3-1967; đơn vị tại ngũ C11 E320; hy sinh tháng 11-1970 tại Mặt trận phía Nam.



Mẹ NGUYỄN THỊ NHÂM



Năm sinh: 1896; năm từ trần: 1954
Quê quán: Xã Đông Kết, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Kết, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.
Bản thân Mẹ là liệt sĩ: Sinh năm 1896; nhập ngũ tháng 3-1947; đơn vị tại ngũ Nhà máy TK1; hy sinh tháng 5-1954 tại tỉnh Tuyên Quang.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Đỗ Đức Nhân: Sinh năm 1921; nhập ngũ tháng 4-1947; đơn vị tại ngũ, Du kích xã Đông Kết; hy sinh tháng 12-1952 tại xã Đông Kết, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Mẹ ĐỖ THỊ CHUYÊN



Năm sinh: 1907; năm từ trần: 2008
Quê quán: Xã Đông Kết, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Kết, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 790/QĐ-CTN, ngày 19-8-2008.
Con độc nhất là liệt sĩ Đỗ Văn Cố: Sinh năm 1932; đơn vị tại ngũ Du kích, liên lạc xã Đông Kết; Hy sinh ngày 20-7-1950 tại tỉnh Hưng Yên.

Mẹ HỮU THỊ MINH



Năm sinh: 1915; năm từ trần: 1998
Quê quán: Xã Đông Kết, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Kết, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Đức Nhung: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 12-1967; Hy sinh ngày 03-3-1972 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VD 420^b ngày 05-4-1977.
2. Liệt sĩ Nguyễn Đức Quý: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 9-1966; đơn vị tại ngũ S22 D6 E3 F9 P2; Hy sinh ngày 15-8-1969 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SB 931b ngày 13-8-1976.



Mẹ LÊ THỊ LỢI



Năm sinh: 1902; năm từ trần: 1952
Quê quán: Xã Đông Kết, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Kết, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.
Bản thân Mẹ là liệt sĩ: Đơn vị tại ngũ Hội phụ nữ cứu quốc xã Đông Kết: Hy sinh ngày 01-5-1952 tại xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số ER 351 ngày 28-9-2001. Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Vũ Đình Tuất: Sinh năm 1930; nhập ngũ tháng 10-1952; đơn vị tại ngũ C25 Hưng Yên; hy sinh tháng 11-1953 tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XT 915^b/CL ngày 02-01-1960.

Mẹ TRƯƠNG THỊ KỆO



Năm sinh: 1924; năm từ trần: 1988
Quê quán: Xã Đông Kết, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Kết, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đỗ Tất Đường: Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 3/1966; đơn vị tại ngũ D304 E5 F32: Hy sinh ngày 26-12-1968 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GD 345^b ngày 01-12-1976.
2. Liệt sĩ Đỗ Tất Mạch: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 6/1966; đơn vị tại ngũ D429 KB: Hy sinh ngày 13-8-1968 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số EX 824^b ngày 15-1-1973.

Mẹ TRƯƠNG THỊ QUỲNH



Năm sinh: 1920; năm từ trần: 1959
Quê quán: Xã Đông Kết, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Kết, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN, ngày 06-9-2014.
Chồng là liệt sĩ Bùi Văn Khấn: Sinh năm 1920; nhập ngũ tháng 2/1952; đơn vị tại ngũ C32 Khoái Châu; hy sinh tháng 4-1954 tại Bốt Đào Viên, Yên Mỹ, Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số EC 948^b tháng 10-1972.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Bùi Văn Thìn: Sinh năm 1941; nhập ngũ tháng 11/1967; đơn vị tại ngũ CH- Thượng Lào; hy sinh tháng 11-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số QA 097^b ngày 28-10-1975.



Mẹ ĐỖ THỊ LẢN



Năm sinh: 1903; năm từ trần: 1960
Quê quán: Xã Đông Kết, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Kết, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN, ngày 10-02-2015.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Đỗ Tất Bích: Sinh năm 1923; nhập ngũ tháng 01-1950; đơn vị tại ngũ F304; hy sinh tháng 9-1950 tại Đường 5 Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số NC 303^{bp} ngày 18-6-1976.

2. Liệt sĩ Đỗ Tất Cử: Sinh năm 1933; nhập ngũ tháng 02-1949; đơn vị tại ngũ C23 Khoái Châu; hy sinh tháng 4-1950; Bằng Tổ quốc ghi công số GD 138^{bp} ngày 13-10-2004.

Mẹ TẤT THỊ MỨT



Năm sinh: 1923; năm từ trần: 1998
Quê quán: Xã Đông Kết, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Kết, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN, ngày 10-02-2015.

Chồng là liệt sĩ Đỗ Thế Nghị: Sinh năm 1929; nhập ngũ tháng 11-1949; đơn vị tại ngũ Bộ đội chủ lực; hy sinh tháng 4-1954 tại Dốc Lã, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XV 717^b.

Có 1 con là liệt sĩ:

Liệt sĩ Đỗ Thế Định: Sinh năm 1948; nhập ngũ tháng 12-1967; đơn vị tại ngũ D603 F2; Hy sinh ngày 14-10-1969; Bằng Tổ quốc ghi công số BS 801b ngày 13-8-1976.





Mẹ PHẠM THỊ LỊCH



Năm sinh: * ; năm từ trần: 1945
Quê quán: Xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng ngày 01-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Phạm Văn Chúc: Sinh năm 1941; nhập ngũ ngày 04-4-1963; đơn vị tại ngũ F320: Hy sinh ngày 14-9-1969 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐB 238^b ngày 03-10-1972.

Mẹ TRƯƠNG THỊ CỎN



Năm sinh: 1917; năm từ trần: 1952
Quê quán: Xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN, ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Văn Thượng: Sinh năm 1950; nhập ngũ ngày 12-12-1971; đơn vị tại ngũ D5-F95: Hy sinh ngày 11-9-1972 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GL 591^b ngày 27-9-1973.

Mẹ PHẠM THỊ THÌN



Năm sinh: * ; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Đỗ Văn Hậu: Sinh năm 1927; nhập ngũ ngày 13-7-1948; đơn vị tại ngũ du kích xã Đông Ninh; hy sinh ngày 24-11-1950; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 1547^c/CL ngày 02-11-1959.

* Chưa xác minh được thông tin



Mẹ NGUYỄN THỊ LÙN



Năm sinh: 1907; năm từ trần: 1947
Quê quán: Xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN, ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Huy Sáo: Sinh năm 1940; nhập ngũ ngày 04-02-1962; đơn vị tại ngũ C280; Hy sinh ngày 13-7-1965 tại tỉnh Nghệ An; Bằng Tổ quốc ghi công số PX 296^b ngày 12-5-1966.

Mẹ NGUYỄN THỊ SỬU



Năm sinh: 1918; năm từ trần: 1957
Quê quán: Xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN, ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Tăng: Sinh năm 1947; nhập ngũ ngày 14-9-1985; đơn vị tại ngũ D8F1-KB; Hy sinh ngày 10-12-1968 tại huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; Bằng Tổ quốc ghi công số 263 TTga ngày 25-5-1974.

Mẹ LÊ THỊ MĂNG



Năm sinh: *; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng ngày 24-4-1996.
Con độc nhất là liệt sĩ Đặng Văn Hiến: Sinh năm 1946; nhập ngũ ngày 09-9-1963; đơn vị tại ngũ D818 KB; Hy sinh ngày 01-02-1968.



**Mẹ LÊ THỊ QUÁN
(NGUYỄN THỊ QUÁN)**



Năm sinh: 1904; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 676 ngày 31-12-1999.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Văn Nhật: Sinh năm 1920; nhập ngũ ngày 16-12-1951; đơn vị tại ngũ E46: Hy sinh ngày 17-6-1954; Bằng Tổ quốc ghi công số EC 942^b.

Mẹ LÊ THỊ PHÚ



Năm sinh: 1917; năm từ trần: 1991
Quê quán: Xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Hồng: Sinh năm 1947; nhập ngũ ngày 1-9-1962; đơn vị tại ngũ HT 13627 US: Hy sinh ngày 4-12-1969 tại Miền Tây Tổ quốc; Bằng Tổ quốc ghi công số VH 434^b ngày 05-4-1977.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Trường: Sinh năm 1950; nhập ngũ ngày 15-7-1967; đơn vị tại ngũ D1K9 CT10: Hy sinh ngày 02-10-1968 tại Miền Tây Tổ quốc; Bằng Tổ quốc ghi công số VH 676^b ngày 13-4-1977.

Mẹ LÊ THỊ ỐC



Năm sinh: 1917; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.
Chồng là liệt sĩ Đặng Viết Tiến: Sinh năm 1914; nhập ngũ ngày 10-10-1949; đơn vị tại ngũ C42 Khoái Châu: Hy sinh ngày 07-11-1950 tại huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 425^{bp}.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Đặng Đình Cống: Sinh năm 1949; nhập ngũ ngày 04-4-1966; đơn vị tại ngũ B phó KB: Hy sinh ngày 18-8-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số GJ 499^b ngày 15-11-1973.

* Chưa xác minh được thông tin



Mẹ ĐỖ THỊ SEN



Năm sinh: 1913; năm từ trần: 1980
Quê quán: Xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Phạm Văn Chiến: Sinh năm 1949; Hy sinh ngày 12-4-1970; Bằng Tổ quốc ghi công số VI 550^b ngày 22-3-1977.
2. Liệt sĩ Phạm Xuân Trường: Sinh năm 1956; Hy sinh ngày 12-12-1970; Bằng Tổ quốc ghi công số GL 136^b.

Mẹ ĐỖ THỊ LUYẾN



Năm sinh: 1889; năm từ trần: 1976
Quê quán: Xã Đông Kết, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Lê Văn Đoàn: Sinh năm 1918; nhập ngũ ngày 27-2-1948; đơn vị tại ngũ E141 F312; Hy sinh ngày 30-12-1949 tại Mặt trận biên giới; Bằng Tổ quốc ghi công số HE 274^t ngày 08-11-2006.
2. Liệt sĩ Lê Văn Trực: Sinh năm 1921; nhập ngũ ngày 06-4-1952; đơn vị tại ngũ Du kích xã Đông Ninh; Hy sinh ngày 22-3-1950 tại xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số BC 635^k.

Mẹ VŨ THỊ PHƯƠNG



Năm sinh: 1916
Quê quán: Xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 751/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Lê Văn Hùng: Sinh năm 1951; Hy sinh ngày 07-5-1970 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SB 875^b.
2. Liệt sĩ Lê Văn Sập: Sinh năm 1954; Hy sinh ngày 22-8-1974 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SB 956^b.



Mẹ LÊ THỊ HIỀN



Năm sinh: 1924; năm từ trần: 2003
Quê quán: Xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Đỗ Khắc Trãi: Sinh năm 1943; nhập ngũ ngày 02-02-1961; đơn vị tại ngũ C19D19KB: Hy sinh ngày 13-7-1968 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐB 317^b.
2. Liệt sĩ Đỗ Khắc Lợi: Sinh năm 1951; nhập ngũ ngày 14-2-1971; Hy sinh ngày 29-9-1972 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số PA 091^b ngày 23-5-1975.

Mẹ ĐỖ THỊ VIỄN



Năm sinh: 1917; năm từ trần: 1987
Quê quán: Xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN, ngày 06-9-2014.

Chồng là liệt sĩ Lê Văn Liễn: Sinh năm 1918; nhập ngũ ngày 16-8-1948; đơn vị tại ngũ Ủy ban hành chính xã Đông Ninh: Hy sinh ngày 10-10-1950 tại xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số AC 432c.

Có 1 con là liệt sĩ

Liệt sĩ Lê Ngọc Khải: Sinh năm 1949; nhập ngũ ngày 15-7-1968; đơn vị tại ngũ D9 E2 QK9 P2: Hy sinh ngày 15-6-1970 tại Kiên Giang; Bằng Tổ quốc ghi công số RH 455^b ngày 03-7-1976.

Mẹ VŨ THỊ SỢ



Năm sinh: 1901; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN, ngày 06-9-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Tặng: Sinh năm 1930; nhập ngũ ngày 12-2-1948; đơn vị tại ngũ C47 Khoái Châu: Hy sinh ngày 19-10-1950 tại huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XB 312^b.
2. Liệt sĩ Nguyễn Thị Tuyết: Sinh năm 1935; nhập ngũ ngày 16-10-1952; đơn vị tại ngũ C167 Hưng Yên: Hy sinh ngày 09-4-1953 tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 2134^b ngày 01-6-1959.

* Chưa xác minh được thông tin



Mẹ NGUYỄN THỊ BÍCH



Năm sinh: 1883; năm từ trần: 1974
Quê quán: Xã Đông Kết, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN, ngày 06-9-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Lê Đình Trang: Sinh năm 1923; nhập ngũ ngày 17-2-1951; đơn vị tại ngũ Bộ Tư lệnh 500; Hy sinh ngày 29-9-1968 tại tỉnh Quảng Trị.
2. Liệt sĩ Lê Thị Nhu: Sinh năm 1927; nhập ngũ ngày 10-3-1947; đơn vị tại ngũ A Trưởng, Nữ du kích xã Đông Ninh; Hy sinh ngày 19-10-1950 tại xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số BC 836^k.

Mẹ NGUYỄN THỊ MIẾN



Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1994
Quê quán: Xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN, ngày 24-11-2015.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Phạm Văn Hồng: Sinh năm 1926; nhập ngũ ngày 30-8-1948; đơn vị tại ngũ Cán bộ địch vận huyện Khoái Châu; Hy sinh ngày 29-8-1951 tại xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số AC 425^c ngày 20-10-1972.
2. Liệt sĩ Phạm Văn Bằng: Sinh năm 1928; nhập ngũ ngày 20-06-1949; đơn vị tại ngũ Văn phòng Ủy ban hành chính xã Đông Ninh; Hy sinh ngày 10-12-1950 tại xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số EB 691^k.





Mẹ LƯU THỊ NHỖ



Năm sinh: * ; năm từ trần: 2002
Quê quán: Xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Được Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng ngày 01-12-1994.
Có 3 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lê Thị Bồng.
2. Liệt sĩ Lê Kế Chanh
3. Liệt sĩ Lê Kế Côi

Mẹ NGUYỄN THỊ ƠN



Năm sinh: *; năm từ trần: 1965
Quê quán: Xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Được Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Lương Đình Khích: Sinh năm 1939; nhập ngũ năm 1966; hy sinh ngày 03-01-1969 tại Mặt trận phía Nam.

Mẹ LÊ THỊ MÙI



Năm sinh: 1915; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Giang Lê Hả: Sinh năm 1939; nhập ngũ tháng 02-1959; hy sinh tháng 3-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số 0396^b.



Mẹ NGUYỄN THỊ VUI



Năm sinh: * ; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 552 KT-CTN ngày 27-8-1995.
Chồng là liệt sĩ Nguyễn Hữu Thạch: Hy sinh năm 1953 tại huyện Phù Cù.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Hữu Tỉnh: Sinh năm 1951; nhập ngũ tháng 3-1967: Hy sinh năm 1969 tại Khe Sanh.

Mẹ ĐỖ THỊ AN



Năm sinh: 1916; năm từ trần: 1993
Quê quán: Xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Nguyên: Sinh năm 1939, nhập ngũ năm 1967; hy sinh ngày 12-02 -1970 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LB 870b ngày 10-7-1974.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Bất: Sinh năm 1949; nhập ngũ năm 1967; Hy sinh ngày 23-8-1968 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số AP 690^b ngày 06-7-1971.

Mẹ NGUYỄN THỊ ĐĂNG



Năm sinh: 1918; năm từ trần: 1999
Quê quán: huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đỗ Thành Y; nhập ngũ năm 1968; hy sinh ngày 07- 4-1969; Bằng Tổ quốc ghi công số DB 316^b tháng 10-1972.
2. Liệt sĩ Đỗ Thành Sỹ: Sinh năm 1958; nhập ngũ năm 1977; hy sinh ngày 15-4-1979.



Mẹ NGUYỄN THỊ ĐẠT



Năm sinh: 1890; năm từ trần: 1983
Quê quán: Xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN, ngày 06-9-2014
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Duy Thái: Hy sinh ngày 04-10-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số XT 424^b.
2. Liệt sĩ Nguyễn Trí Tuệ: Hy sinh ngày 24-11-1952; Bằng Tổ quốc ghi công số XT 932^b.

Mẹ LÊ THỊ KHOA



Năm sinh: 1919; năm từ trần: 1997
Quê quán: Xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Giang Lê Cải: Sinh năm 1950; Hy sinh năm 1970; Bằng Tổ quốc ghi công số SB 788b.
2. Liệt sĩ Giang Lê Nguyên: Sinh năm 1952; hy sinh ngày 10-3-1975 tại Mặt trận Thừa Thiên-Huế.

Mẹ VŨ THỊ LÃN



Năm sinh: 1916; năm từ trần: 1991
Quê quán: Xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.
Chồng là liệt sĩ Lưu Trí Đậu: Hy sinh ngày 22-10-1948; Bằng Tổ quốc ghi công số Xa 1996^c ngày 02-01-1966.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Lưu Trí Nguyễn (Nguyên) sinh năm 1948; hy sinh ngày 30-12-1969; Bằng Tổ quốc ghi công số GN 320^b ngày 25-7-1973.



Mẹ LÊ THỊ LỘNG



Năm sinh: * ; năm từ trần: 2000
Quê quán: Xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lê Kế Học: Sinh năm 1936; nhập ngũ năm 1966; hy sinh ngày 07-5-1970 tại Mặt trận phía Nam.
2. Liệt sĩ Lê Kế Diễm: Sinh năm 1939; hy sinh ngày 13-8-1968.

Mẹ NGUYỄN THỊ MẪN



Năm sinh: 1893; năm từ trần: 1979
Quê quán: Xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN, ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lưu Trí Đậu: Sinh năm 1918; hy sinh ngày 23-10-1948 tại xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số Xa 1996C ngày 02-01-1960.
2. Liệt sĩ Lưu Trí Bạch: Sinh năm 1920; hy sinh ngày 23-10-1948 tại xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Mẹ LÊ THỊ SẮT



Năm sinh: 1913; năm từ trần: 1981
Quê quán: Xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lê Thế Chính: Sinh năm 1946; nhập ngũ năm 1965; hy sinh ngày 21-01-1968 tại Quảng Trị.
2. Liệt sĩ Lê Thế Viện: Sinh năm 1956; hy sinh ngày 17-02-1979 tại Lạng Sơn.



Mẹ PHẠM THỊ THÂN



Năm sinh: 1907; năm từ trần: 2003
Quê quán: Xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN, ngày 06-9-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Đỗ Văn Định: Sinh năm 1936; nhập ngũ năm 1957; đơn vị tại ngũ Đại đội 2 I1, Mặt trận phía Nam; hy sinh ngày 02-3-1966 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OZ-107^b ngày 11-7-1975.

2. Liệt sĩ Đỗ Quang Chiến: Sinh năm 1951; nhập ngũ năm 1970; đơn vị tại ngũ Trung đoàn 28, Sư đoàn 10, Quân đoàn 3; hy sinh ngày 12-11-1978 tại chiến trường Tây Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số 9G-714^b ngày 19-12-1979.

Mẹ GIANG THỊ XUÂN



Năm sinh: 1909; năm từ trần: 2007
Quê quán: Xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN, ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Lê Văn Loan: Nhập ngũ tháng 3-1962; hy sinh ngày 22-4-1966 tại Quảng Bình.

2. Liệt sĩ Lê Quang Thế: Nhập ngũ năm 1976; hy sinh tháng 3-1979 tại Biên giới phía Bắc. Bằng Tổ quốc ghi công số 8T 279^b.

Mẹ VŨ THỊ DUỘC



Năm sinh: 1901; năm từ trần: 1994
Quê quán: Xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN, ngày 10-02-2015.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Lưu Trí Nông: Hy sinh ngày 21-01-1954 tại Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XG 982^k ngày 02-01-1960.

2. Liệt sĩ Lưu Minh Sản: Hy sinh ngày 03-10-1973; Bằng Tổ quốc ghi công số VH 709^b ngày 12-4-1977.



Mẹ LƯU THỊ VÈO



Năm sinh: 1923; năm từ trần: 2011
Quê quán: Xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN, ngày 10-02-2015.
Chồng là liệt sĩ Nguyễn Trọng Loan: Hy sinh ngày 23-10-1948; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐN 660^{KP} ngày 22-11-1997.
Có 1 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Thị Thấp: Sinh năm 1937; nhập ngũ năm 1952; hy sinh ngày 01-5-1954 tại xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XH 023^K ngày 02-01-1960.

Mẹ NGUYỄN THỊ YÊN



Năm sinh: 1890; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN, ngày 10-02-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Hoàng Tiến Xương: Hy sinh năm 1951; Bằng Tổ quốc ghi công số AK 698^{BP} ngày 07-11-1984.
2. Liệt sĩ Hoàng Tiến Liệt: Hy sinh ngày 23-10-1948 tại Hà Đông; Bằng Tổ quốc ghi công số DN 614^{RP} ngày 22-11-1997.



BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ ĐỒNG TIẾN



Mẹ TẠ THỊ THẬN (THÂN)



Năm sinh: 1896; năm từ trần: 1981
Quê quán: Xã Đồng Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đồng Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 354 KT/CTN tháng 12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Đình Trọng: Sinh năm 1939; nhập ngũ ngày 19-02-1961; đơn vị tại ngũ C2D6F305; Hy sinh ngày 05-4-1967 tại Mặt trận phía Tây; Bằng Tổ quốc ghi công số AU-828b.

Mẹ PHẠM THỊ NHỖ



Năm sinh: 1898; năm từ trần: 1946
Quê quán: Xã Đồng Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đồng Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 54 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Hoàng Công Đãi: Sinh năm 1919; nhập ngũ năm 1947; Hy sinh ngày 25-01-1950 tại Bốt Đào Viên; Bằng Tổ quốc ghi công số BC-619^k.





BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ HÀM TỬ

Mẹ NGUYỄN THỊ HUYỀN



Năm sinh: 1915
Quê quán: Xã Hàm Tử, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hàm Tử, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng năm 1994.
Có 3 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lê Hồng Thịnh: Sinh năm 1941; nhập ngũ tháng 2-1964; hy sinh 12-8-1969 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VL 46^b ngày 15-4-1977.
2. Liệt sĩ Lê Thế Tình: Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 8-1967; Hy sinh ngày 20-11-1971 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GE 282^b ngày 29-6-1973.
3. Liệt sĩ Lê Trọng Bích: Sinh năm 1952; nhập ngũ tháng 12-1967; Hy sinh ngày 17-9-1969 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SB 900^b ngày 13-8-1976.

Mẹ NGUYỄN THỊ QUÁN



Năm sinh: * ; năm từ trần: 2001
Quê quán: Xã Hàm Tử, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hàm Tử, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Kim Lái: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 4-1963; Hy sinh ngày 15-8-1970 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SA 415b ngày 11-8-1976.

Mẹ NGUYỄN THỊ THỘP



Năm sinh: 1911; năm từ trần: 1993
Quê quán: Xã Hàm Tử, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hàm Tử, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Noán.



Mẹ LÊ THỊ LÂU



Năm sinh: 1922; năm từ trần: 2011
Quê quán: Xã Hàm Tử, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hàm Tử, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Trung Hiếu: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 6-1968: Hy sinh ngày 22-10-1971 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VH 371^b.
2. Liệt sĩ Nguyễn Ngọc Dương: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 6-1968: Hy sinh ngày 22-7-1970 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GN 269^b ngày 25-7-1973.

Mẹ NGUYỄN THỊ LỰC



Năm sinh: 1920; năm từ trần: 1989
Quê quán: Xã Hàm Tử, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hàm Tử, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Duy Thương: Sinh năm 1950; đơn vị tại ngũ Đại đội 17, Trung đoàn 1, Sư đoàn 324-KH5: Hy sinh ngày 10-3-1976 tại Trường Học viện quân sự Đà Lạt; Bằng Tổ quốc ghi công số TE 799^{bt} ngày 18-12-1976.
2. Liệt sĩ Nguyễn Duy Nền: Sinh năm 1961; nhập ngũ tháng 6-1979; đơn vị tại ngũ Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 6, Sư đoàn 4; hy sinh ngày 08-08-1980 tại Chiến trường phía Tây Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số 5AA 397^{bt}.





BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ HỒNG TIẾN

Mẹ BÙI THỊ CỒNG



Năm sinh: 1891; năm từ trần: 1948

Quê quán: Xã Hồng Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

Trú quán: Xã Hồng Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 680/QĐ-CTN ngày 12-5-2009.

Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương độc lập hạng Ba.

Có 3 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Vũ Công Toàn: Sinh năm 1929; đơn vị tại ngũ Tỉnh đội Hưng Yên; hy sinh tháng 5-1952 tại Tỉnh đội Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 256c ngày 03-6-1965.

2. Liệt sĩ Vũ Công Quân: Sinh năm 1931; nhập ngũ; đơn vị tại ngũ Tỉnh đội Hưng Yên; hy sinh ngày 03-5-1950 tại Tỉnh đội Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XV 061^b ngày 03-6-1965.

3. Liệt sĩ Vũ Công Hào: Sinh năm 1933; nhập ngũ 11-2-1949; đơn vị tại ngũ Đại đội Vũ Hồ (C22), Tỉnh đội Hưng Yên; hy sinh ngày 05-4-1949 tại Nhà tù Nhà Tiền, Hà Nội; Bằng Tổ quốc ghi công số GO 141^{bp} ngày 13-10-2004.





Mẹ NGUYỄN THỊ HƯƠNG



Năm sinh: 1893; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Liên Khê, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Liên Khê, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Tường Duy Dân: Sinh năm 1925; nhập ngũ năm 1948; Hy sinh ngày 16-02-1949 tại Xã Việt Hòa, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số Xa1960^c ngày 02-01-1960.

Mẹ TƯỜNG THỊ LÍT



Năm sinh: 1892; năm từ trần: 1942
Quê quán: Xã Liên Khê, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Liên Khê, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Đỗ Bá Tân: Sinh năm 1915; nhập ngũ 1945; đơn vị tại ngũ Đội Cảm tử tự vệ Hà Nội; Hy sinh ngày 13-02-1954 tại Hà Nội; Bằng Tổ quốc ghi công số EC-873^b ngày 20-10-1972.

Mẹ NGUYỄN THỊ LIÊN



Năm sinh: 1904; năm từ trần: 1985
Quê quán: Xã Liên Khê, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Liên Khê, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Tường Duy Oanh: Nhập ngũ 1946; đơn vị tại ngũ Tỉnh đội Hưng Yên; mất tích; Bằng Tổ quốc ghi công số EC889^b ngày 20-10-1972.

* Chưa xác minh được thông tin



Mẹ TRÀNG THỊ DIỄN



Năm sinh: 1905; năm từ trần: 1963
Quê quán: Xã Liên Khê, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Liên Khê, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Tường Duy Tấn: Sinh năm 1933; nhập ngũ tháng 02-1952; đơn vị tại ngũ Đoàn 2129; Hy sinh ngày 30-9-1969 tại Nghĩa trang gần mặt trận; Bằng Tổ quốc ghi công số SB 796^b ngày 13-8-1976.

Mẹ TRÍ THỊ KHUYẾT



Năm sinh: 1915; năm từ trần: 1951
Quê quán: Xã Liên Khê, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Liên Khê, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Tường Duy Ất: Sinh năm 1955; nhập ngũ tháng 12-1972; đơn vị tại ngũ D2 E201-Bộ Chỉ huy Tây Ninh; Hy sinh ngày 01-11-1978 tại Biên giới Tây Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số 9p 504^b ngày 28-11-1979.

Mẹ ĐÌNH THỊ HIỀN



Năm sinh: 1910; năm từ trần: 1957
Quê quán: Xã Liên Khê, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Liên Khê, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 841 KT/CTN ngày 24-4-1996.
Con độc nhất là liệt sĩ Tường Duy Thịnh: Sinh năm 1940; nhập ngũ tháng 4-1963; đơn vị tại ngũ F335; Hy sinh ngày 13-11-1966 tại Mặt trận miền Tây; Bằng Tổ quốc ghi công số CM953^b ngày 10-4-1968.



Mẹ TRÀNG THỊ TÝ



Năm sinh: 1920; năm từ trần: 1945
Quê quán: Xã Liên Khê, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Liên Khê, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 841 KT/CTN ngày 24-4-1996.
Con độc nhất là liệt sĩ Đỗ Bá Cấn: Sinh năm 1946; nhập ngũ 1965; đơn vị tại ngũ K-N: Hy sinh ngày 21-10-1969 tại xã Phố An, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Mẹ NGUYỄN THỊ LỊCH



Năm sinh: 1901; năm từ trần: 1977
Quê quán: Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Liên Khê, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 841 KT/CTN ngày 24-4-1996.
Con độc nhất là liệt sĩ Phan Tiến Kết: Sinh ngày 16-5-1945; nhập ngũ ngày 04-4-1963; đơn vị tại ngũ Đại đội 11, tiểu đoàn 3, trung đoàn 335: Hy sinh ngày 16-10-1966 tại miền Tây; Bằng Tổ quốc ghi công số CM954^b ngày 10-4-1968

Mẹ PHAN THỊ SỬ



Năm sinh: 1918; năm từ trần: 1950
Quê quán: Xã Liên Khê, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Liên Khê, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 1248/QĐ-CTN ngày 17-8-2012.
Con độc nhất là liệt sĩ Phan Quang Dũng: Sinh năm 1938; nhập ngũ tháng 9-1966; đơn vị tại ngũ D1E1K13: Hy sinh ngày 13-7-1968 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TG936^b ngày 22-02-1977.



Mẹ HOÀNG THỊ SỰ



Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1969

Quê quán: Xã Liên Khê, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

Trú quán: Xã Liên Khê, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN ngày 24-11-2015.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Tường Hữu Khoảnh: Sinh năm 1940; nhập ngũ tháng 01-1968; đơn vị tại ngũ thuộc NB: Hy sinh ngày 04-4-1971 tại Mặt trận phía Nam.

2. Liệt sĩ Tường Hữu Đôn: Sinh năm 1923; nhập ngũ ngày 19-12-1945; đơn vị tại ngũ Đội Cảm tử quân Hà Nội; Hy sinh ngày 20-12-1946 tại Khu Đấu Sảo, Hà Nội. Bằng Tổ quốc ghi công số XT 794^b ngày 02-01-1960.



BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ NHUẾ DƯƠNG



Mẹ NGUYỄN THỊ BOONG



Năm sinh: 1906; năm từ trần: 1997
Quê quán: Xã Nhuế Dương, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nhuế Dương, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định ngày 01-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Trần Đình Đám: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 01-1966; hy sinh tháng 3-1967; Bằng Tổ quốc ghi công số CM 957^b ngày 01-4-1982.

Mẹ NGUYỄN THỊ CỎN



Năm sinh: 1910; năm từ trần: 2003
Quê quán: Xã Nhuế Dương, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nhuế Dương, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định ngày 01-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Phạm Văn Dụ: Sinh tháng 5-1948; nhập ngũ tháng 4-1968; đơn vị tại ngũ C, D, E 335; hy sinh ngày 23-12-1968 tại Mặt trận phía Tây; Bằng Tổ quốc ghi công số VM 838^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ DUNG



Năm sinh: 1916; năm từ trần: 1995
Quê quán: Xã Nhuế Dương, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nhuế Dương, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định ngày 01-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Duy Khánh: Sinh năm 1948; nhập ngũ tháng ngày 25-4-1966; đơn vị tại ngũ E54 KB; hy sinh ngày 09-01-1969; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐB 350^b ngày 03-10-1972.



Mẹ ĐẶNG THỊ MĂNG



Năm sinh: 1915; năm từ trần: 1996
Quê quán: Xã Nhuế Dương, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nhuế Dương, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định năm 1994
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Tầu: Sinh năm 1954; nhập ngũ tháng 12-1971; đơn vị tại ngũ C1 D4; hy sinh ngày 28-7-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số QL 555^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ NHẤT



Năm sinh: 1906; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Nhuế Dương, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nhuế Dương, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định tháng 12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Đào Danh Học: Sinh năm 1939; nhập ngũ tháng 9-1966; đơn vị tại ngũ C12 D2 Đ155; hy sinh ngày 22-4-1976; Bằng Tổ quốc ghi công số TE 434^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ TRŨI



Năm sinh: 1912; năm từ trần: 1973
Quê quán: Xã Nhuế Dương, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nhuế Dương, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định năm 1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Duy Vũng: Sinh năm 1948; nhập ngũ ngày 21-7-1968; đơn vị tại ngũ TĐ 203 KB; hy sinh ngày 11-11-1970; Bằng Tổ quốc ghi công số LB 837^b.



Mẹ NGUYỄN THỊ BÍ



Năm sinh: 1910; năm từ trần: 1991
Quê quán: Xã Nhuế Dương, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nhuế Dương, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định năm 1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Quang Khanh: Sinh năm 1959; nhập ngũ tháng 4-1977; đơn vị tại ngũ Đoàn 530; hy sinh ngày 04-11-1980; Bằng Tổ quốc ghi công số AO 813^{bt} ngày 13-3-1985.

Mẹ NGUYỄN THỊ GIẢO



Năm sinh: 1918; năm từ trần: 1950
Quê quán: huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nhuế Dương, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định năm 1995.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Văn Khao: Sinh năm 1939; đơn vị tại ngũ Cục Xăng dầu, Tổng cục hậu cần; hy sinh ngày 19-12-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số ET 565^b ngày 05-5-1973.
2. Liệt sĩ Phạm Văn Chất: Sinh năm 1946, nhập ngũ tháng 4-1966; đơn vị tại ngũ 751 KB; hy sinh ngày 21-4-1967.

Mẹ NGUYỄN THỊ NHẠN



Năm sinh: 1918; năm từ trần: 1985
Quê quán: Xã Nhuế Dương, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nhuế Dương, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định năm 1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Thành: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 9-1966; đơn vị tại ngũ Đoàn 155; hy sinh ngày 07-02-1974; Bằng Tổ quốc ghi công số PD 869^b ngày 19-8-1975.



Mẹ VŨ THỊ CHINH



Năm sinh: 1912; năm từ trần: 1970
Quê quán: Xã Nhuế Dương, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nhuế Dương, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 02-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Chiến: Sinh năm 1936; nhập ngũ ngày 16-12-1950; hy sinh ngày 25-3-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1248^b ngày 01-6-1959.

Mẹ NGUYỄN THỊ LAN



Năm sinh: 1912; năm từ trần: 1950
Quê quán: Xã Nhuế Dương, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nhuế Dương, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 7-1997.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Hồng Thái (Nguyễn Trọng Thái): Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 9-1965; đơn vị tại ngũ C8 D9 E66 F304; hy sinh ngày 21-5-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số GE 225^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ CỐ



Năm sinh: 1904; năm từ trần: 1990
Quê quán: Xã Nhuế Dương, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nhuế Dương, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Xuân Hội (Nguyễn Duy Hội): Sinh năm 1938; nhập ngũ tháng 6-1966; hy sinh ngày 19-3-1970; Bằng Tổ quốc ghi công số VH 422^b ngày 05-4-1977.
2. Liệt sĩ Nguyễn Duy Tuấn (Nguyễn Xuân Tuấn): Sinh năm 1949, nhập ngũ tháng 7-1967; hy sinh ngày 14-6-1970; Bằng Tổ quốc ghi công số GM 071^b ngày 14-7-1973.



Mẹ NGUYỄN THỊ HƯỜNG



Năm sinh: 1920; năm từ trần: 2004
Quê quán: Xã Nhuế Dương, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nhuế Dương, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Chồng là liệt sĩ Trần Văn Đạm: Sinh năm 1928; nhập ngũ ngày 25-11-1951; hy sinh ngày 25-05-1952; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1081b ngày 01-6-1959.
Có con độc nhất là liệt sĩ Trần Văn Đàm: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 12-1967; hy sinh ngày 06-06-1969 tại KB; Bằng Tổ quốc ghi công số SB 815^b.

Mẹ ĐẶNG THỊ KIM



Năm sinh: 1902; năm từ trần:*
Quê quán: Xã Nhuế Dương, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nhuế Dương, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vũ Văn Đàm: Sinh năm 1922; hy sinh ngày 06-1-1954; Bằng Tổ quốc ghi công số XT 791^b ngày 02-01-1960.
2. Liệt sĩ Vũ Văn Chiến: Sinh năm 1942, nhập ngũ tháng 12-1961; hy sinh tháng 10-1968.

Mẹ PHẠM THỊ VUỐT



Năm sinh: 1912
Quê quán: Xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nhuế Dương, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 751/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lê Quang Sước: Sinh năm 1949, nhập ngũ tháng 8-1966; hy sinh ngày 13-5-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số GN 085^b.
2. Liệt sĩ Lê Đức Nhạ: Sinh năm 1952, nhập ngũ tháng ngày 15-8-1968; đơn vị tại ngũ KB, hy sinh ngày 11-12-1971; Bằng Tổ quốc ghi công số LB 879^b ngày 10-7-1974.

* Chưa xác minh được thông tin



BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ ÔNG ĐÌNH

Mẹ NGUYỄN THỊ KY



Năm sinh: 1916; năm từ trần: 1992
Quê quán: Xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 12-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Thọ: Sinh năm 1949; Hy sinh ngày 17-01-1973 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số PE 940^{bm}/CL ngày 22-7-1975.

Mẹ LÊ THỊ ĐÌA



Năm sinh: 1906; năm từ trần: 1996
Quê quán: Xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 8-1995.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Phong: Sinh năm 1927; Hy sinh ngày 08-01-1954 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HE325^{bm}/CL ngày 08-11-2006.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Lưu: Sinh năm 1929; Hy sinh ngày 08-10-1954 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số EC 902^{bm}/CL ngày 20-10-1972.

Mẹ NGUYỄN THỊ TỶ



Năm sinh: 1920; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 1212 KT/CTN ngày 28-4-1997.
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Công Tịnh: Sinh năm 1938; nhập ngũ tháng 7-1968; đơn vị tại ngũ K39 A KB; Hy sinh ngày 7-12-1970 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GJ529^{bm}/CL ngày 15-11-1973.



Mẹ NGUYỄN THỊ TẬT



Năm sinh: 1915; năm từ trần: 1950
Quê quán: Xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 569 KT/CTN ngày 07-11-1998.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Bá Trạc: Sinh năm 1950; Hy sinh ngày 15-8-1969 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SD 465^{bm}/CL ngày 13-8-1976.

Mẹ LÊ THỊ CỘNG



Năm sinh: 1910; năm từ trần: 1986
Quê quán: Xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vũ Công Toàn: Sinh năm 1940; Hy sinh ngày 15-12-1969 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VI330^{bm}/CL ngày 05-4-1977.
2. Liệt sĩ Vũ Công Thanh: Sinh năm 1946; Hy sinh ngày 04-4-1967 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số EM066^{bm}/CL ngày 06-6-1968.

Mẹ VŨ THỊ HẾN



Năm sinh: 1913; năm từ trần: 2009
Quê quán: Xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lê Văn Lợi: Sinh năm 1940; hy sinh ngày 29-10-1972 tại Mặt trận phía Nam, Quân khu 4; Bằng Tổ quốc ghi công số EX 817^{bm}/CL ngày 23-6-1973.
2. Liệt sĩ Lê Văn Chấm: Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 4-1970; Hy sinh ngày 26-9-1972 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số ND554^{bm}/CL ngày 13-8-1974.



Mẹ HOÀNG THỊ SÁU



Năm sinh: 1919; năm từ trần: 1989
Quê quán: Xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Trọng Súc: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 8-1965; đơn vị tại ngũ Sư đoàn 304; Hy sinh ngày 30-3-1972 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HI441^{bm}/CL ngày 26-12-1973.
2. Liệt sĩ Nguyễn Trọng Téo: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 5-1966; Hy sinh ngày 03-8-1968 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VI217^{bm}/CL ngày 01-4-1977.

Mẹ VŨ THỊ AN



Năm sinh: 1889; năm từ trần: 1972
Quê quán: Xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Trọng Lâm: Sinh năm 1924; hy sinh tháng 10-1950; Bằng Tổ quốc ghi công số EC903^{bp}/CL ngày 20-10-1972.
2. Liệt sĩ Nguyễn Trọng Di: Sinh năm 1926; Hy sinh ngày 03-3-1950; Bằng Tổ quốc ghi công số XT 773^{bp}/CL ngày 02-01-1960.

Mẹ HOÀNG THỊ LỰ



Năm sinh: 1918
Quê quán: Xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2222/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Vũ Công Điền: Sinh năm 1949; Hy sinh ngày 23-11-1972 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số NL128^{bm}/CL ngày 10-7-1974.
2. Liệt sĩ Vũ Công Ải: Sinh năm 1950; Hy sinh ngày 20-11-1972 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số QH 901^{bm}/CL ngày 24-02-1976.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ PHÙNG HƯNG



Mẹ NGUYỄN THỊ CỰ



Năm sinh: * ; năm từ trần: 1995
Quê quán: Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN năm 1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Bùi Bá Cự: Sinh năm 1928; Hy sinh năm 1954; Bằng Tổ quốc ghi công số EC 881^b.

Mẹ LÊ THỊ NHẬP



Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1989
Quê quán: Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng ngày 1-12-1994.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương độc lập hạng Ba.
Con độc nhất là liệt sĩ Hoàng Minh Dân: Sinh năm 1941; nhập ngũ năm 1965; đơn vị tại ngũ F3 KN: Hy sinh ngày 15-6-1969 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HI 269^p ngày 28-12-1973.

Mẹ NGUYỄN THỊ HỒNG



Năm sinh: 1907; năm từ trần: 1994
Quê quán: Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 344 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Đặng Quang Tiến: Sinh năm 1942; nhập ngũ tháng 02-1961; đơn vị tại ngũ E6 thuộc KT: Hy sinh ngày 20-4-1968 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số CB 5915^b-CTK ngày 20-5-1972.

* Chưa xác minh được thông tin



Mẹ LƯƠNG THỊ NGUYỄN (NGUYỄN)



Năm sinh: * ; năm từ trần: 1950
Quê quán: Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Trần Bá Đàm: Sinh năm 1922; Hy sinh ngày 11-01-1952 tại huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số 017^b ngày 02-01-1960.

Mẹ NGUYỄN THỊ QUÝ



Năm sinh: * ; năm từ trần: 1950
Quê quán: Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Hoàng Văn Đích: Sinh năm 1949; Hy sinh năm 1970; Bằng Tổ quốc ghi công số OZ 106^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ XOA (SOA)



Năm sinh: * ; năm từ trần: 1955
Quê quán: Xã Phùng Hưng, huyện Châu Giang, tỉnh Hải Hưng
Trú quán: Xã Phùng Hưng, huyện Châu Giang, tỉnh Hải Hưng
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 841 KT/CTN ngày 24-04-1996.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Xuê: Hy sinh ngày 08-7-1952 tại Điện Biên Phủ; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 318 ngày 07-10-2003.
2. Liệt sĩ Nguyễn Tất Soát: Hy sinh năm 1968 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SG162^b.



Mẹ TRẦN THỊ BỔNG



Năm sinh: 1914; năm từ trần: 1970
Quê quán: Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng năm 1996.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Thanh Cảnh: Sinh năm 1943; nhập ngũ năm 1963; Hy sinh năm 1965 tại Chiến trường phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số MT 566^b ngày 19-12-1970.

Mẹ BÙI THỊ BAN



Năm sinh: 1896; năm từ trần: 1980
Quê quán: Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lê Trọng Lực: Sinh năm 1918; hy sinh tháng 12-1952 tại huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số KC 018^b ngày 20-10-1972.
2. Liệt sĩ Lê Trọng Điền: Sinh năm 1923; đơn vị tại ngũ Quân khu Tả ngạn: Hy sinh ngày 17-8-1948 tại tỉnh Hải Dương; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1673^b ngày 01-6-1959.

Mẹ TRẦN THỊ TÝ



Năm sinh: 1894; năm từ trần: 1997
Quê quán: Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-04-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lại Văn Ty: Sinh năm 1932; nhập ngũ tháng 01-1951; đơn vị tại ngũ Đại đoàn 320: Hy sinh ngày 29-01-1954 tại thôn Thành Tâm, Xã Thụy Hải, huyện Ý Yên, tỉnh Hà Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số EC-925^b.
2. Liệt sĩ Lại Bình Định: Sinh năm 1935; nhập ngũ năm 1953; đơn vị tại ngũ C25-D58-E50: Hy sinh ngày 23-7-1954; Bằng Tổ quốc ghi công số MC 684^b ngày 09-5-1975.



Mẹ HOÀNG THỊ TÝ



Năm sinh: 1905; năm từ trần: 1988
Quê quán: Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-04-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Đỗ Văn Mậu: Sinh năm 1928; Hy sinh ngày 17-12-1952; Bằng Tổ quốc ghi công số KC 028^b ngày 04-8-2003.
2. Liệt sĩ Đỗ Văn Huy: Sinh năm 1931; Hy sinh ngày 01-02-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 1551^c.

Mẹ BÙI THỊ HƯỚNG



Năm sinh: 1923
Quê quán: Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 751/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Lê Công Đoán: Sinh năm 1943; Hy sinh ngày 12-02-1972 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VG 280^b ngày 01-4-1977.
2. Liệt sĩ Lê Công Hoán: Sinh năm 1947; nhập ngũ năm 1967; Hy sinh năm 1992 tại Bệnh viện Khoái Châu; Bằng Tổ quốc ghi công số EB 523^{bt} ngày 29-6-1999.

Mẹ VŨ THỊ NHÂM



Năm sinh: 1910; năm từ trần: 1991
Quê quán: Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-04-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Bùi Quang Hãn: Sinh năm 1931; Hy sinh ngày 08-05-1970; Bằng Tổ quốc ghi công số TK 953^b ngày 22-01-1977.
2. Liệt sĩ Bùi Quang Hải: Sinh năm 1939; nhập ngũ ngày 15-7-1967; đơn vị tại ngũ Đại đội 25 Trung đoàn 102, Sư đoàn 308; Hy sinh ngày 23-02-1971; Bằng Tổ quốc ghi công số BK 129^b ngày 27-01-1972.



Mẹ LÊ THỊ CẢNH



Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1937
Quê quán: Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN ngày 24-11-2015.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Bùi Quang Quý: Sinh năm 1920; nhập ngũ năm 1950; Hy sinh ngày 14-5-1952; Bằng Tổ quốc ghi công số XG 042^k.
2. Liệt sĩ Bùi Quang Vượng: Sinh năm 1935; nhập ngũ năm 1966; Hy sinh năm 1967; Bằng Tổ quốc ghi công số GE 211^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ NỮ



Năm sinh: 1915; năm từ trần: 1993
Quê quán: Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN ngày 24-11-2015.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Khe: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 9-1966; Hy sinh ngày 14-3-1974 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SB 974^b.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Lúa: Sinh năm 1949; Hy sinh năm 1973; Bằng Tổ quốc ghi công số OD 93^b.

Mẹ HOÀNG THỊ THÌN



Năm sinh: 1898; năm từ trần: 1962
Quê quán: Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Trần Huy Loát: Hy sinh năm 1953; Bằng Tổ quốc ghi công số XG 007^{kp}/CL.
2. Liệt sĩ Trần Huy Ngụ: Sinh năm 1918; nhập ngũ tháng 12-1946; đơn vị tại ngũ E42; hy sinh tháng 12-1950 tại huyện Kim Động; Bằng Tổ quốc ghi công số KC 010^b.



BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ TÂN CHÂU

Mẹ NGUYỄN THỊ CÂN



Năm sinh: 1890; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 - KT/CTN ngày 17-12-1994.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương kháng chiến hạng Nhì.
Có 3 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Thỏa: Hy sinh ngày 03-9-1950 tại Xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số BC 632^k ngày 20-10-1972.
2. Liệt sĩ Nguyễn Huy Doãn: Hy sinh ngày 13-01-1951; Bằng Tổ quốc ghi công số BC 62^k ngày 20-10-1972.
3. Liệt sĩ Nguyễn Huy Xuân: Sinh năm 1937; nhập ngũ năm 1967; Hy sinh năm 1968 tại Đường 9 Nam Lào. Bằng Tổ quốc ghi công số CM 968^b ngày 10-4-1968.

Mẹ LÊ THỊ HÀO



Năm sinh: * ; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Văn Định: Sinh năm 1948; hy sinh ngày 07-8-1968 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OM 29^b ngày 12-6-1969.

Mẹ TẠ THỊ MẬN



Năm sinh: 1912; năm từ trần: 1952
Quê quán: Xã Đồng Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.
Trú quán: Xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Hồng Hải: Sinh năm 1936; nhập ngũ năm 1959; Hy sinh năm 1972 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RG- 567^b.



Mẹ LÊ THỊ ĐÁN



Năm sinh: 1907; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Văn Diệc : Sinh năm 1937; Hy sinh ngày 13-5-1970 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SB 799^b ngày 13-8-1976.

Mẹ ĐỖ THỊ MIÊN



Năm sinh: 1917; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Văn Học: Sinh năm 1941; nhập ngũ tháng 01-1961; hy sinh ngày 02-8-1966 tại Miền Tây Tổ quốc; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐB 377^b ngày 03-10-1972.

Mẹ HOÀNG THỊ THỨC



Năm sinh: * ; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Văn Ấm: Sinh năm 1933; hy sinh ngày 24-11-1976 tại Chiến trường miền Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số CN 903^b ngày 08-5-1972.

* Chưa xác minh được thông tin



Mẹ LÊ THỊ XEN



Năm sinh: * ; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Quang Đệ: Sinh năm 1929; hy sinh ngày 19-11-1973 tại Hòa Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số LQ 524^b ngày 25-4-1974.

Mẹ NGUYỄN THỊ PHẪNG



Năm sinh: 1893; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 841 KT/CTN ngày 24-4-1996.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Văn Muộn: Sinh năm 1930; hy sinh ngày 30-01-1953 tại Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XT 869^b ngày 06-01-1960.

Mẹ HOÀNG THỊ SỬU



Năm sinh: 1910; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 841 KT/CTN ngày 24-4-1996.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Xuân Nãi: Sinh năm 1930, nhập ngũ năm 1967; hy sinh ngày 09-3-1969 tại Quảng Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số VM- 923^b.



.Mẹ LÊ THỊ NHỊ



Năm sinh: 1902; năm từ trần: 1964
Quê quán: Xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Hoàng Văn Siễn: Sinh năm 1939; đơn vị tại ngũ Bộ Tư lệnh đặc công: Hy sinh ngày 16-7-1969 tại chiến trường miền Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số số VH 802b ngày 13-4-1977.
2. Liệt sĩ Hoàng Văn Triển: Sinh năm 1940; nhập ngũ năm 1962; đơn vị tại ngũ Bộ Tư lệnh đặc công: Hy sinh ngày 08-10-1966, tại chiến trường miền Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LT 617^b ngày 18-6-1974.

Mẹ LÊ THỊ NHỊ



Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1982
Quê quán: Xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Hoàng Văn Thìn: Sinh năm 1927; hy sinh ngày 26-10-1950 tại xã Hồng Tiến, huyện Khoái Châu, Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 1889^c ngày 02-01-1960.
2. Liệt sĩ Hoàng Văn Bính: Sinh năm 1934, nhập ngũ năm 1968; hy sinh ngày 28-8-1969 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LE 933^b ngày 16-5-1974.

Mẹ LÊ THỊ TUYẾN



Năm sinh: 1913; năm từ trần: 1991
Quê quán: Xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Hoàng Văn Gia: Sinh năm 1941; Hy sinh ngày 20-8-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng số VG 385^b ngày 01-4-1977.
2. Liệt sĩ Hoàng Văn Tương; sinh năm 1950; Hy sinh ngày 14-9-1974 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SD 440^b ngày 14-6-1976.



Mẹ DƯƠNG THỊ TỶ



Năm sinh: 1902; năm từ trần: 2001
Quê quán: Xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lê Quang Điện: Sinh năm 1947 nhập ngũ tháng 9-1965; đơn vị tại ngũ Sư đoàn 304; hy sinh ngày 13-5-1972 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HI- 296^b.
2. Liệt sĩ Lê Quang Hào: Sinh năm 1948; nhập ngũ tháng 6-1968; đơn vị tại ngũ 05 D8 KB; hy sinh tháng 02-1971 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GN-293^b.

Mẹ ĐÀO THỊ HÁU



Năm sinh: * ; năm từ trần: *
Quê quán: Bô Thời, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.
Trú quán: Xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN ngày 24/11/2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Lý: Hy sinh ngày 21-01-1968, tại chiến trường Miền Nam; Bằng số BS 383^b ngày 13-10-1975.
2. Liệt sĩ Nguyễn Thị Lan.

Mẹ NGUYỄN THỊ THUẾ



Năm sinh: * ; năm từ trần: 1950
Quê quán: Xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.
Bản thân Mẹ là liệt sĩ: Hy sinh tháng 10-1950 tại xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Phạm Văn Kim: Hy sinh ngày 20-02-1969; Bằng Tổ quốc ghi công số EM 650^c ngày 17-9-1970.



Mẹ LÊ THỊ TƯ



Năm sinh: * ; năm từ trần: 1954
Quê quán: Xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Quang Lự: Sinh năm 1950; nhập ngũ ngày 16-01-1967; Hy sinh ngày 07-9-1968 tại Khe Sanh; Bằng Tổ quốc ghi công số MA 258^b ngày 16-02-1970.



* Chưa xác minh được thông tin



BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ TÂN DÂN

Mẹ LÊ THỊ PHƯƠNG



Năm sinh: * ; năm từ trần: 2004
Quê quán: Xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Anh Hưởng: Sinh năm 1950; nhập ngũ năm 1971: Hy sinh ngày 01-3-1973; Bằng Tổ quốc ghi công số RL-699^b ngày 09-7-1976.

Mẹ LÊ THỊ CỘNG



Năm sinh: 1925
Quê quán: Xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Đình Sinh: Sinh năm 1953; nhập ngũ tháng 8-1967: Hy sinh ngày 17-01-1979 tại chiến trường phía Tây Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số 9D-803^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ HIẾN



Năm sinh: 1919; năm từ trần: 1999
Quê quán: Xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng tháng 12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Phạm Văn Tường: Sinh năm 1951: Hy sinh ngày 16-01-1969 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số MT867^b.



Mẹ NGUYỄN THỊ NHỖ



Năm sinh: 1905; năm từ trần: 1996
Quê quán: Xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng ngày 01-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Duy Trịnh:
Sinh năm 1948; Hy sinh ngày 29-7-1970.

Mẹ VŨ THỊ CỐ



Năm sinh: 1901; năm từ trần: 2005
Quê quán: Xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Chính:
Sinh năm 1936; nhập ngũ tháng 6-1968; đơn vị tại ngũ Trung đoàn 55 - Sư đoàn 5 - P2; Hy sinh ngày 29-12-1970 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TG-810^p ngày 22-02-1977.

Mẹ NGUYỄN THỊ LỊCH



Năm sinh: * ; năm từ trần: 1983
Quê quán: Xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 241 KT/CTN ngày 24-4-1996
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Lợi:
Sinh năm 1942; Hy sinh ngày 26-3-1968 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OR 267^B.



Mẹ NGUYỄN THỊ TƯ



Năm sinh: * ; năm từ trần: 1954
Quê quán: Xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng năm 1996.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Đình Chí: Sinh năm 1936; nhập ngũ ngày 18-01-1968; đơn vị tại ngũ Tiểu đoàn 6, Trung đoàn 88, Sư 308; Hy sinh ngày 30-12-1969 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số 464^{bm}/CL ngày 13-8-1976.

Mẹ NGUYỄN THỊ THANH



Năm sinh: 1899; năm từ trần: 1971
Quê quán: Xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 841 KT/CTN ngày 24-4-1996.
Con độc nhất là liệt sĩ Bùi Viết Tô: Sinh năm 1914; Hy sinh năm 1946 tại Bốt Đông Tảo; Bằng Tổ quốc ghi công số XH020^k.

Mẹ NGUYỄN THỊ LAN



Năm sinh: 1894; năm từ trần: 1969
Quê quán: Xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 841 KT/CTN ngày 24-4-1996.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Xuân Loan: Sinh năm 1947; nhập ngũ ngày 16-8-1966; Hy sinh ngày 01-11-1968 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số QE695^b.



Mẹ LÊ THỊ TRỊ



Năm sinh: 1921; năm từ trần: 1954
Quê quán: Xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng năm 1996.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Xuân Đạo: Sinh năm 1954; nhập ngũ ngày 7-1967; Hy sinh ngày 17-6-1969 tại Mặt trận phía Nam Bằng Tổ quốc ghi công số AU 811^B.

Mẹ NGUYỄN THỊ BẰNG



Năm sinh: * ; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 1273 KT/CTN ngày 28-4-1997.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Mão: Sinh năm 1940; nhập ngũ tháng 3-1996; Hy sinh ngày 03-12-1969; Bằng Tổ quốc ghi công số GL488^{bm}/CL.

Mẹ NGUYỄN THỊ CỘ



Năm sinh: 1906; năm từ trần: 1929
Quê quán: Xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 676 KT/CTN ngày 25-12-2000.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Thào: Sinh năm 1919; Hy sinh năm 1953; Bằng Tổ quốc ghi công số XH019^k.

* Chưa xác minh được thông tin



Mẹ NGUYỄN THỊ HUỆ



Năm sinh: 1922; năm từ trần: 1948
Quê quán: Xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 908/QĐ-CTN ngày 17-12-2002.
Con độc nhất là liệt sĩ Phạm Văn Huân: Sinh năm 1946; nhập ngũ ngày 19-02-1965; đơn vị tại ngũ D1-E36: Hy sinh ngày 05-9-1968 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số CH 470^B.

Mẹ NGUYỄN THỊ MIỄN



Năm sinh: 1920; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng năm 1997.
Con độc nhất là liệt sĩ Phạm Đình Mạnh: Sinh năm 1940; đơn vị tại ngũ Tiểu đoàn 2, KB: Hy sinh ngày 15-11-1970 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số NO-049^B ngày 10-7-1974.





Mẹ VŨ THỊ LUẤN



Năm sinh: 1910; năm từ trần: 1995
Quê quán: Xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 08-12-1994.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương độc lập hạng Ba.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Mão: Sinh năm 1939; nhập ngũ tháng 6-1966; đơn vị tại ngũ D4 F320: Hy sinh ngày 05-4-1975 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SA 417^b.

Mẹ LÊ THỊ KẾT



Năm sinh: 1909; năm từ trần: 1977
Quê quán: Xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 08-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Như Vê: Sinh năm 1933; nhập ngũ tháng 5-1968; đơn vị tại ngũ D52.BT14: Hy sinh ngày 02-02-1970 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số PA566^b ngày 06-6-1975.

Mẹ LÊ THỊ THÌ



Năm sinh: 1910; năm từ trần: 1953
Quê quán: Xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Đỗ Ngọc Duẩn: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 5-1969; đơn vị tại ngũ P2: Hy sinh ngày 10-10-1972 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SB790^b ngày 13-8-1976.



Mẹ LÊ THỊ NHOÀNG



Năm sinh: 1920; năm từ trần: 1956
Quê quán: Xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Đình Tuấn: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 12-1967; Hy sinh ngày 19-8-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SD438^b ngày 13-8-1976.

Mẹ ĐỖ THỊ CÚC



Năm sinh: 1909; năm từ trần: 1971
Quê quán: Xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương độc lập hạng ba.
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Quang Nhẫn: Sinh năm 1942; nhập ngũ tháng 02-1966; đơn vị tại ngũ D2F5: Hy sinh ngày 03-4-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VD 370^b.

Mẹ LÊ THỊ TÌNH



Năm sinh: 1930; năm từ trần: 1951
Quê quán: Xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN, tháng 8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Văn Khắc Hứa: Sinh năm 1952; nhập ngũ tháng 4-1970; đơn vị tại ngũ P2: Hy sinh ngày 05-11-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VH447^b.



Mẹ TRẦN THỊ TỈNH



Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1943
Quê quán: Xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 841 KT/CTN ngày 24-4-1996.
Con độc nhất là liệt sĩ Trần Văn Cáp: Sinh năm 1943; nhập ngũ tháng 4-1963; đơn vị tại ngũ C1 D3 F335: Hy sinh ngày 9-12-1967, tại mặt trận phía Tây; Bằng Tổ quốc ghi công số 231^b ngày 03-10-1972.

Mẹ NGUYỄN THỊ RÉ



Năm sinh: 1912; năm từ trần: 1959
Quê quán: Xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 841 KT/CTN ngày 24-4-1996.
Con độc nhất là liệt sĩ Trần Văn Toán: Sinh năm 1951; nhập ngũ tháng 9/1968; đơn vị tại ngũ P2: Hy sinh ngày 13-8-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VT3316 ngày 05-4-1977.

Mẹ NGUYỄN THỊ CỘNG



Năm sinh: 1898; năm từ trần: 1956
Quê quán: Xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 790/QĐ-CTN ngày 19-6-2008.
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Văn Nghếch: Sinh năm 1930; nhập ngũ tháng 6-1954; đơn vị tại ngũ C205: Hy sinh ngày 16-11-1954; Bằng Tổ quốc ghi công số GG571 ngày 7-10-2003.



BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ THÀNH CÔNG

Mẹ ĐẶNG THỊ BẢY



Năm sinh: 1914; năm từ trần: 2009
Quê quán: Xã Thành Công, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Thành Công, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Văn Dẫn: Sinh năm 1940; nhập ngũ tháng 4-1966; đơn vị tại ngũ KB: Hy sinh ngày 18-5-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RL287^b ngày 03-7-1976.

Mẹ LÊ THỊ HẤN



Năm sinh: 1917; năm từ trần: 1992
Quê quán: Xã Thành Công, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Thành Công, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đặng Văn Tín: Sinh năm 1937; nhập ngũ năm 1953; Hy sinh ngày 04-6-1953 tại Kim Động, Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XA1956^c ngày 02-01-1960.
2. Liệt sĩ Đặng Quang Thông: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 01-1972; đơn vị tại ngũ: Lữ 45; Hy sinh ngày 18-4-1975, tại Ngã ba Đồng Xoài, tỉnh Sông Bé; Bằng Tổ quốc ghi công số PS086^b ngày 04-9-1975.

Mẹ NGUYỄN THỊ BỂ



Năm sinh: 1915; năm từ trần: 2002
Quê quán: Xã Thành Công, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Thành Công, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đỗ Tiến Sinh: Sinh năm 1940; nhập ngũ tháng 8-1967; đơn vị tại ngũ E270; Hy sinh ngày 10-02-1968 tại Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số LM548 ngày 21-7-2010.
2. Liệt sĩ Đỗ Đường Lương: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 02-1968; đơn vị tại ngũ C7KB; Hy sinh ngày 12-9-1970, tại Tây Ninh; Bằng Tổ quốc ghi công số NB937.



Mẹ LÊ THỊ SƠN



Năm sinh: 1922; năm từ trần: 2002
Quê quán: Xã Thành Công, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Thành Công, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Đỗ Hồng Vực: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 3-1963; đơn vị tại ngũ D959: Hy sinh ngày 18-9-1966; Bằng Tổ quốc ghi công số QA116^{bm}/CL ngày 21-7-2010.
2. Liệt sĩ Đỗ Thị Mùa: Sinh năm 1948; nhập ngũ tháng 8-1969; đơn vị tại ngũ Nhà máy sửa chữa máy Vĩnh Phú: Hy sinh ngày 28-12-1972, tại Vĩnh Phú; Bằng Tổ quốc ghi công số KM607^{cm}/CL ngày 21-7-2010.

Mẹ CAO THỊ NHUẬN



Năm sinh: 1919; năm từ trần: 1969
Quê quán: Xã Thành Công, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Thành Công, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Vỹ: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 7-1967; đơn vị tại ngũ D9E102: Hy sinh ngày 15-4-1972, tại Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số GY541^b ngày 15-11-1973.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Bính: Sinh năm 1952; nhập ngũ tháng 4-1968; đơn vị tại ngũ C16E66: Hy sinh ngày 01-10-1972, tại Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số EX-754^b ngày 23-6-1973.

Mẹ NGUYỄN THỊ TẦN



Năm sinh: 1898; năm từ trần: 1948
Quê quán: Xã Thành Công, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Thành Công, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Lê Văn Cư: Sinh năm 1934; nhập ngũ ngày 14-3-1952; đơn vị tại ngũ: 0664-E42: Hy sinh ngày 14-9-1953, tại Tiên Lữ, Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XT760^{bp}/CL ngày 02-01-1960.
2. Liệt sĩ Lê Thanh Giang: Sinh năm 1945; nhập ngũ tháng 4-1963; đơn vị tại ngũ: D959 (Tiểu đoàn 7 Đoàn 5, thuộc Đoàn 959): Hy sinh ngày 29-8-1966, tại Mặt trận phía Tây; Bằng Tổ quốc ghi công số CM947^{bm}/CL ngày 10-4-1968.



Mẹ ĐỖ THỊ DẬU



Năm sinh: 1921; năm từ trần: 1955
Quê quán: Xã Thành Công, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Thành Công, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Văn Phàn: Sinh năm 1945; nhập ngũ tháng 4-1966; đơn vị tại ngũ KN: Hy sinh ngày 11-8-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số AU889^{bm}/CL ngày 08-10-1971.

Mẹ LÊ THỊ CHUÂN



Năm sinh: 1919; năm từ trần: 1952
Quê quán: Xã Thành Công, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Thành Công, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.
Con độc nhất là liệt sĩ Đỗ Văn Lộc: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 8-1967; đơn vị tại ngũ E165-F312: Hy sinh ngày 23-01-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số BH515^b ngày 06-01-1972.



BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ THUẦN HƯNG



Mẹ NGUYỄN THỊ QUỲ



Năm sinh: 1905; năm từ trần: 1970
Quê quán: Xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 12-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Phạm Xuân Tám: Sinh năm 1924; Hy sinh ngày 20-5-1950, tại Xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XG 886^k.

Mẹ NGUYỄN THỊ LẠNG



Năm sinh: 1905; năm từ trần: 1943
Quê quán: Xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Hà Đăng Bách: Sinh năm 1938; nhập ngũ tháng 7-1968; Hy sinh ngày 27-12-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số EX 938^b.

Mẹ ĐÀO THỊ TÝ



Năm sinh: 1905; năm từ trần: 1981
Quê quán: Xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Xuân: Sinh năm 1928; Hy sinh ngày 18-4-1948, tại xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số BC 833^k.
2. Liệt sĩ Nguyễn Ngọc Huệ: Sinh năm 1943; Hy sinh ngày 08-7-1972, tại Nhà tù Phú Quốc; Bằng Tổ quốc ghi công số LQ 557^b.

* Chưa xác minh được thông tin



Mẹ VŨ THỊ YẾN



Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1986
Quê quán: Xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522/KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Liên: Sinh năm 1924; nhập ngũ tháng 02-1953; đơn vị tại ngũ thuộc KN: Hy sinh ngày 05-6-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GM 010^b.

Mẹ CHU THỊ TRÀ



Năm sinh: 1905; năm từ trần: 1930
Quê quán: Xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 1212/QĐ-CTN ngày 28-4-1997.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Dụng: Sinh năm 1925; Hy sinh ngày 14-3-1953, tại Đường 5, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số OX 992^b.

Mẹ ĐÀO THỊ NUÔI



Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1978
Quê quán: Xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 790/QĐ-CTN ngày 19-6-2008.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Thân: Sinh năm 1925; nhập ngũ ngày 14-01-1953; đơn vị tại ngũ Trung đoàn 50, Tiểu đoàn 670, Đại đội 126; Hy sinh ngày 02-11-1953, tại xã Thượng Hiền, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số XT 922^b.



Mẹ THIỀU THỊ NGHI



Năm sinh: 1893; năm từ trần: 1971
Quê quán: Xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vũ Đức Chiêu: Sinh năm 1918: Hy sinh ngày 09-12-1950, tại xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XG 817k.
2. Liệt sĩ Vũ Đức Mỹ: Sinh năm 1920; hy sinh ngày 13-3-1950, tại xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 847^k.

Mẹ NGUYỄN THỊ NUỒI



Năm sinh: 1912; năm từ trần: 1998
Quê quán: Xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đào Đức Nhâm: Sinh năm 1940: Hy sinh ngày 15-6-1969, tại tỉnh Tây Ninh; Bằng Tổ quốc ghi công số EX 833^b.
2. Liệt sĩ Đào Đức Dần: Sinh năm 1945: Hy sinh ngày 15-02-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SG 401^b.

Mẹ VŨ THỊ SÂM



Năm sinh: 1915; năm từ trần: 2002
Quê quán: Xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Chồng là liệt sĩ Đào Đình Điền: Sinh năm 1919: Hy sinh ngày 19-8-1950, tại xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 1944^c.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Đào Xuân Kiên: Sinh năm 1941: Hy sinh ngày 20-5-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LQ 232^b.



Mẹ TRẦN THỊ LAN



Năm sinh: 1898; năm từ trần: 1957
Quê quán: Xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đỗ Khắc Am: Sinh năm 1915: Hy sinh ngày 06-04-1952, tại xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XC 258^c ngày 03-6-1965.
2. Liệt sĩ Đỗ Khắc Học: Sinh năm 1917: Hy sinh ngày 06-04-1952, tại xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XC 259^c ngày 03-6-1965.

Mẹ NGUYỄN THỊ PHÚ



Năm sinh: 1876; năm từ trần: 1927
Quê quán: Xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.
Con độc nhất là liệt sĩ Chu Đình Vọng: Sinh năm 1905: Hy sinh ngày 17-8-1942, tại Nhà tù Sơn La; Bằng Tổ quốc ghi công số BC 150 ^c/CL.

Mẹ NGUYỄN THỊ THẢO



Năm sinh: 1903; năm từ trần: 1965
Quê quán: Xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN ngày 24-11-2015.
Con độc nhất là liệt sĩ Hoàng Đức Phúc: Sinh năm 1940: Hy sinh ngày 21-6-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐB 285^b.



Mẹ VŨ THỊ THƯ



Năm sinh: 1894; năm từ trần: 1965

Quê quán: Xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

Trú quán: Xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN ngày 24-11-2015.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Thiện: Sinh năm 1926; nhập ngũ ngày 15-11-1953 ; đơn vị tại ngũ C42; Hy sinh ngày 21-3-1954, tại huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XT 956^b.

2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Hợi: Sinh năm 1928; Hy sinh ngày 16-01-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số BH 738CL.



* Chưa xác minh được thông tin



BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ VIỆT HÒA

Mẹ HOÀNG THỊ Ố



Năm sinh: 1906; năm từ trần: 1994
Quê quán: Xã Việt Hòa, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Việt Hòa, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng ngày 01-12-1994.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương độc lập hạng Ba.
Có 3 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Hà Xuân Trường: Sinh năm 1929; nhập ngũ tháng 02-1949; Hy sinh ngày 17-12-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số EK336^b.
2. Liệt sĩ Hà Công Nghệ: Sinh năm 1941; nhập ngũ tháng 5-1968; Hy sinh ngày 18-12-1969, tại Mặt trận phía Tây; Bằng Tổ quốc ghi công số AU 932^b.
3. Liệt sĩ Hà Huy Tập (Hà Văn Tập): Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 7-1967; Hy sinh ngày 31-5-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RM061^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ SÂU



Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1984
Quê quán: Xã Việt Hòa, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Việt Hòa, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng năm 1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Liên: Sinh năm 1930; Hy sinh ngày 07-5-1952, tại Mặt trận Việt Bắc.

Mẹ TẠ THỊ TỬU



Năm sinh: 1920; năm từ trần: 1946
Quê quán: Xã Việt Hòa, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Việt Hòa, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng năm 1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Núi: Sinh năm 1941; nhập ngũ tháng 6-1968; đơn vị tại ngũ KH15; Hy sinh ngày 04-3-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số AR156^b.



Mẹ PHAN THỊ TÝ



Năm sinh: 1922; năm từ trần: 1944
Quê quán: Xã Việt Hòa, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Việt Hòa, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng ngày 1-12-1994.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Trần Xuân Thảo: Sinh năm 1936: Hy sinh ngày 04-4-1954, tại huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh; Bằng Tổ quốc ghi công số XT 950^b Quyết định số 2 TTg ngày 02-01-1960.
2. Liệt sĩ Trần Gia Ấm: Sinh năm 1940: Hy sinh ngày 19-5-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GN 226^b ngày 25-7-1973.

Mẹ NGUYỄN THỊ DÍA



Năm sinh: 1897; năm từ trần: 1953
Quê quán: Xã Việt Hòa, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Việt Hòa, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 1212 KT/CTN ngày 28-4-1997.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Văn Quyên: Sinh năm 1921: Hy sinh ngày 16-12-1949; Bằng Tổ quốc ghi công số XG 989^k.

Mẹ HOÀNG THỊ TUYỀN



Năm sinh: 1918; năm từ trần: 1998
Quê quán: Xã Việt Hòa, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Việt Hòa, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phan Văn Tài: Sinh năm 1948: Hy sinh ngày 19-5-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TE 823b.
2. Liệt sĩ Phan Văn Bé: Sinh năm 1953: Hy sinh ngày 7-8-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số NL 029^b.

* Chưa xác minh được thông tin

